

“ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU

### THỦY SẢN AN GIANG

#### (AGIFISH)

(Thành lập năm 2001 theo Quyết định số 792/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ  
cấp ngày 28 tháng 06 năm 2001)

## PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU

(Giấy phép phát hành số .... /ĐKPH – UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
cấp ngày ....tháng .....năm .....

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish)**
  - 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, An Giang
- Chi nhánh Công ty Agifish tại Thành phố Hồ Chí Minh**
  - 162 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)**
  - 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**
  - 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Võ Phước Hưng – Thư ký Tổng Giám đốc Điện thoại: (84.76) 858 348

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, An Giang

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN

## AN GIANG (AGIFISH)

(Thành lập năm 2001 theo quyết định số 792/QĐ – TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 28 tháng 06 năm 2001)

### PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU

<b>Tên cổ phiếu:</b>	<b>Cổ phiếu Công ty CP XNK Thủy sản An Giang (AGF)</b>
<b>Mệnh giá:</b>	<b>10.000 đồng (Mười ngàn đồng)</b>
<b>Giá phát hành dự kiến giai đoạn 1:</b> (phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn)	<b>70.000 đồng/ cổ phiếu</b>
<b>Giá bảo lãnh phát hành giai đoạn 1:</b>	<b>56.000 đồng/cổ phiếu</b>
<b>Giá bán cho cổ đông của giai đoạn 2:</b> (phát hành cho cổ đông sau khi hoàn tất giai đoạn 1)	<b>10.000 đồng/cổ phiếu</b>
<b>Giá bán cho cán bộ chủ chốt của Công ty giai đoạn 3:</b> (bằng giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2005 có kiểm toán) (kết hợp phát hành cho cán bộ chủ chốt với giai đoạn 2)	<b>24.000 đồng/cổ phiếu</b>
<b>Tổng số lượng phát hành:</b>	<b>3.500.000 cổ phiếu (Ba triệu, năm trăm ngàn cổ phiếu)</b>
- Phát hành riêng lẻ:	2.000.000 cổ phiếu
- Phát hành cho cổ đông:	1.278.000 cổ phiếu
- Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty:	222.000 cổ phiếu
<b>Tổng giá trị phát hành:</b> (tính theo mệnh giá)	<b>35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng)</b>

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:

##### ❖ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)

*Trụ sở chính:*

Địa chỉ: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 821 8567

Fax: (84.8) 821 3867

E-mail: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn)

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

*Chi nhánh tại Hà Nội:*

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Điện thoại: (84.8) 942 6718

Fax: (84.8) 942 6719

Email: [ssi\\_hn@ssi.com.vn](mailto:ssi_hn@ssi.com.vn)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

##### ❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 827 2295

Fax: (84.8) 827 2300

## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..</b>	<b>1 -</b>
1.	Tổ chức phát hành.....	1 -
2.	Tổ chức tư vấn .....	1 -
<b>II.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>2 -</b>
<b>III.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....</b>	<b>3 -</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3 -
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	6 -
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty .....	7 -
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty .....	10 -
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành .....	10 -
6.	Hoạt động kinh doanh.....	11 -
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	22 -
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành.....	23 -
9.	Chính sách đối với người lao động .....	24 -
10.	Chính sách cổ tức.....	25 -
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	25 -
12.	HDQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát .....	27 -
13.	Tài sản.....	35 -
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 3 năm tới.....	37 -
15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn.....	37 -
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	42 -
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành .....	42 -
18.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành.....	42 -
<b>IV.</b>	<b>CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH .....</b>	<b>43 -</b>
1.	Loại chứng khoán.....	43 -
2.	Mệnh giá .....	43 -
3.	Tổng số chứng khoán phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung.....	43 -
4.	Giá phát hành dự kiến .....	43 -
5.	Giá bảo lãnh phát hành giai đoạn 1: 56.000 đồng/cổ phiếu .....	43 -
6.	Phương pháp tính giá: chiết khấu dòng tiền .....	43 -
7.	Phương thức phân phối .....	44 -
8.	Thời gian phân phối cổ phiếu (dự kiến).....	44 -
9.	Kế hoạch chào bán cổ phần.....	44 -
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	48 -
7.	Các loại thuế có liên quan .....	49 -
8.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	49 -
<b>V.</b>	<b>MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH .....</b>	<b>50 -</b>
<b>VI.</b>	<b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH .....</b>	<b>56 -</b>
<b>VII.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH.....</b>	<b>56 -</b>
1.	Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành.....	56 -
2.	Tổ chức kiểm toán.....	56 -
<b>VIII.</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>57 -</b>
1.	Rủi ro về kinh tế.....	57 -
2.	Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh .....	57 -
3.	Rủi ro về tỷ giá.....	59 -
4.	Các rủi ro khác .....	59 -
<b>IX.</b>	<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>61 -</b>



**II. CÁC KHÁI NIỆM**

UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK Tp.HCM:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty:	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang
Pound:	Đơn vị đo lường khối lượng, 1 pound tương đương với 0,454 kg
VASEP:	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
SSOP:	Sanitation Standard Operating Procedure – Quy phạm vệ sinh
GMP:	Good Manufacturing Practices – Quy phạm sản xuất
HACCP:	Hazard Analysis and Critical Control Point - Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn
APPU:	Agifish Pure Pangasius Union - Liên hợp Sản xuất Cá sạch
Chứng nhận HALAL:	Chứng nhận Tinh khiết theo tiêu chuẩn của Cộng đồng Hồi giáo Thành phố Hồ Chí Minh cấp

### III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

#### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG.

Tên giao dịch đối ngoại: AN GIANG FISHERIES IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên giao dịch viết tắt: AGIFISH Co.

- Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (84.76) 852 939 – 852 368 – 852 783 Fax: (84.76) 852 202

Email: [agifishagg@hcm.vnn.vn](mailto:agifishagg@hcm.vnn.vn) Website: [www.agifish.com](http://www.agifish.com)

- Quyết định chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần số 792/QĐ – TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5203000009 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 08 năm 2001.

Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu số: 4.01.1.001/GP do Bộ Thương Mại cấp ngày 29/05/1995.

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm: sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm, nông sản, vật tư nông nghiệp; Mua vật tư nguyên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất; Mua bán đồ uống các loại và hàng mỹ phẩm; Sản xuất và mua bán thuốc thú y thủy sản; Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; Lắp đặt hệ thống cơ điện, thông gió, điều hòa cấp nhiệt, hệ thống làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Chế tạo thiết bị cho ngành chế biến thực phẩm, thủy sản; Mua bán máy móc thiết bị chuyên ngành chế biến thực phẩm, ngành chế biến thủy sản; Lai tạo giống, sản xuất con giống; Nuôi trồng thủy sản; Lắp đặt các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng; Lắp đặt đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp; Lắp đặt điện trong nhà, ống cấp nước, thoát nước, bơm nước; San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán vật tư thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Dịch vụ nhà đất.

- Mã số thuế: 16.00583588.1

- Công ty Agifish có tài khoản giao dịch tại các Ngân hàng:

▪ Vietcombank chi nhánh An Giang

- VNĐ: 015.100.000612.0

- USD: 015.137.000614.9

▪ ANZ chi nhánh TP Hồ Chí Minh

- VNĐ: 3004354
- USD: 3588747

- Vốn điều lệ:
  - Khi thành lập: 41.791.300.000 đồng
  - Hiện tại: 43.880.340.000 đồng
  - Sau khi phát hành: 78.880.340.000 đồng
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang, tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh An Giang được xây dựng năm 1985 do Công ty Thủy sản An Giang đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị và chính thức đi vào hoạt động tháng 3 năm 1987.

Năm 1990, do Công ty Thủy sản An Giang bị giải thể, Xí nghiệp Đông lạnh An Giang được sáp nhập vào Công ty Xuất Nhập khẩu Nông Thủy sản An Giang (AFIEX) và được đổi tên là Xí nghiệp Xuất khẩu Thủy sản, được phép hạch toán theo cơ chế tự hạch toán hiệu quả; tự cân đối đầu vào và tìm kiếm thị trường xuất khẩu; xây dựng cơ cấu sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động và tiềm năng nguyên liệu của địa phương.

Tháng 10 năm 1995, Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa Xí nghiệp Xuất khẩu Thủy sản (trực thuộc Công ty AFIEX) với Xí nghiệp Đông lạnh Châu Thành (trực thuộc Công ty Thương nghiệp An Giang – AGITEXIM).

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang theo Quyết định số 792/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2001. Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.

Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang được tổ chức vào ngày 28 tháng 07 năm 2001. Đại hội đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động, các phương án hoạt động kinh doanh của Công ty; bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên (2001 – 2002); và đồng ý tham gia niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Thị trường Chứng khoán.

Với thành tích hoạt động kinh doanh, Công ty Agifish đã nhận được các khen thưởng sau:

- Năm 1987, Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch Nước tặng;
- Từ năm 1996 đến năm 2000 Công ty liên tục là đơn vị lá cờ đầu của ngành Thủy sản, được Chính phủ tặng cờ Luân lưu;
- Tháng 4 năm 2000 được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

Công ty Agifish được ghi nhận có nhiều thành tích trong việc đầu tư nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá Basa, cá Tra. Hoạt động này được hợp tác với trường Đại học Cần Thơ và Trung tâm hợp tác quốc tế về nghiên cứu nông nghiệp phục vụ phát triển - CIRAD (Pháp). Công ty đã cho ra đời thành công mẻ cá Basa sinh sản nhân tạo đầu tiên trên thế giới vào ngày 20 tháng 05 năm 1995.

Từ năm 1997, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, GMP, SSOP và hiện nay Công ty đã được cấp 3 code vào EU là DL07, DL08 và DL360.

Ngày 01/08/2002, Công ty Agifish được Tổ chức quốc tế SGS công nhận hợp chuẩn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Tháng 4/2003, các sản phẩm chế biến của Công ty đã được đại diện Ban Hội Giáo tại Việt Nam cấp chứng nhận HALAL mở ra một thị trường tiêu thụ mới cho cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Năm 2005, Công ty được công nhận hợp chuẩn các hệ thống quản lý chất lượng Safe Quality Food 1000 (SQF1000), Safe Quality Food 2000 (SQF2000), British Retail Consortium (BRC). Ngoài ra, Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm (BINH DUC SEAFOOD) được cấp chứng Code EU: DL360. Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải công suất 800m<sup>3</sup>/ngày đêm tại Xí nghiệp đông lạnh 8.

Công ty Agifish đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục trong 3 năm 2003, 2004, 2005 do người tiêu dùng bình chọn. Ngoài ra, Công ty được Thời báo Kinh tế Việt Nam và Triển lãm Thương hiệu Việt Nam bình chọn là thương hiệu mạnh trong năm 2004.

Liên tục trong các năm 2003 – 2004 Công ty được tặng thưởng cờ thi đua của Chính phủ trong việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh góp phần vào sự phát triển chung của ngành thủy sản Việt Nam.

Hiện nay, Công ty Agifish là công ty xuất khẩu cá nước ngọt hàng đầu của ngành thủy sản Việt Nam. Sản phẩm chính của Công ty là cá Basa và cá Tra đông lạnh, Công ty đứng thứ 2 cả nước về xuất khẩu thủy sản với năng lực chế biến xuất khẩu 16.000 tấn thành phẩm/năm.

Ngoài ra, từ khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán (02/2002), Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang là công ty niêm yết có uy tín đối với các nhà đầu tư cổ phiếu AGF và có tính thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



- Đến thời điểm 28/02/2006, cơ cấu sở hữu cổ phần trong Công ty như sau:

**Bảng 1:** Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty

ĐVT: ngàn đồng

STT	Danh mục	Phần vốn	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	8.776.110	20,00	1
2	Cổ đông HĐQT, BGD, BKS	3.628.290	8,27	13
3	Cổ đông trong Công ty	470.370	1,07	16
4	Cổ đông ngoài Công ty	31.005.570	70,66	592
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>43.880.340</b>	<b>100,00</b>	<b>622</b>

- Cơ cấu nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty Agifish tại thời điểm 31/12/2005 là 2.561 người với 1.396 hợp đồng lao động dài hạn và 1.165 hợp đồng lao động ngắn hạn. Trong đó:

- Lao động có trình độ đại học, cao đẳng là 166 người chiếm 6,48%;
- Trung cấp là 76 người chiếm 2,97%;
- Lao động khác chiếm 90,55%

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

- a. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang  
Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang.  
Điện thoại: (84.76) 852 368 – 852 939; Fax: (84.76) 852 202
- b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang tại Tp Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ: 162 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: (84.8) 825 1100 – 829 9767 – 821 1485; Fax: (84.8) 822 5022
- c. Xí nghiệp đông lạnh 7  
Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Phước, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 854 241 Fax: (84.76) 852 202
- d. Xí nghiệp đông lạnh 8  
Địa chỉ: Quốc lộ 91, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 836 221 Fax: (84.76) 836 254
- e. Xí nghiệp chế biến thực phẩm  
Địa chỉ: phường Bình Đức, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 857 590
- f. Xí nghiệp dịch vụ thủy sản

Địa chỉ: phường Bình Đức, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 954 088

g. Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật

Địa chỉ: phường Bình Đức, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang  
Điện thoại: (84.76) 858 848

### **3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

#### ***Đại hội đồng Cổ đông***

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang. Đại hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu ra Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

#### ***Hội đồng Quản trị***

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ đại hội, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang có 11 thành viên.

#### ***Ban Kiểm soát***

Ban kiểm soát thay mặt Đại hội cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 thành viên.

#### ***Ban Giám Đốc***

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có hai Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

#### ***Các Phòng, Ban – Đơn vị kinh doanh***

##### **1. Phòng kế toán tài vụ**

Phòng kế toán tài vụ bao gồm 14 nhân viên, có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán, quản lý tài chính của Công ty, lập sổ sách, hạch toán, báo cáo số liệu kế toán, trực tiếp công tác kế toán cho hai Xí nghiệp đồng lạnh.

##### **2. Phòng kế hoạch và điều độ sản xuất**

Phòng lập kế hoạch sản xuất cho các xí nghiệp, hoàn thành các thủ tục xuất khẩu, lập kế hoạch kinh doanh cho Công ty. Nhân sự của phòng là 11 người.

##### **3. Phòng Kinh doanh Tiếp thị**

Tiếp nhận đơn đặt hàng, lập kế hoạch sản xuất cho các xí nghiệp; Thiết lập mạng lưới tiêu thụ hàng GTGT trên toàn quốc thông qua các tổng đại lý, hệ thống Co-op mart,

Metro; Tham gia tất cả các hội chợ “hàng Việt Nam chất lượng cao”, quảng bá thương hiệu AGIFISH; Xuất khẩu. Nhân sự của phòng là 37 người.

**4. Phòng tổ chức hành chính:**

Phòng gồm 12 nhân viên, có nhiệm vụ quản lý điều hành công tác hành chính tổ chức của Công ty, theo dõi, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.

**5. Ban quản lý chất lượng và công nghệ:**

Ban gồm 12 nhân viên, có nhiệm vụ quản lý chất lượng sản phẩm và môi trường, xây dựng công nghệ chế biến các sản phẩm mới, nghiên cứu cải tạo, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, lập kế hoạch quản lý chất lượng cho Công ty.

**6. Ban thu mua**

Ban có 9 nhân viên, làm nhiệm vụ tổ chức thu mua, vận chuyển nguyên liệu và điều phối nguyên liệu cho hai Xí nghiệp đông lạnh.

**7. Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu, ủy thác, gia công hàng xuất khẩu, giao dịch, thanh toán tín dụng, dịch vụ giao nhận ngoại thương, đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán, xuất nhập khẩu, tiếp thị và chăm sóc khách hàng là các nhiệm vụ của Chi nhánh. Chi nhánh có 19 nhân viên.

**8. Xí nghiệp đông lạnh 7**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ kinh doanh chế biến hàng thủy hải sản đông lạnh. Tổng số nhân viên của xí nghiệp là 880 người.

**9. Xí nghiệp đông lạnh 8**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong sản xuất và kinh doanh chế biến hàng thủy, hải sản đông lạnh. Tổng số nhân viên của xí nghiệp là 904 người.

**10. Xí nghiệp chế biến thực phẩm**

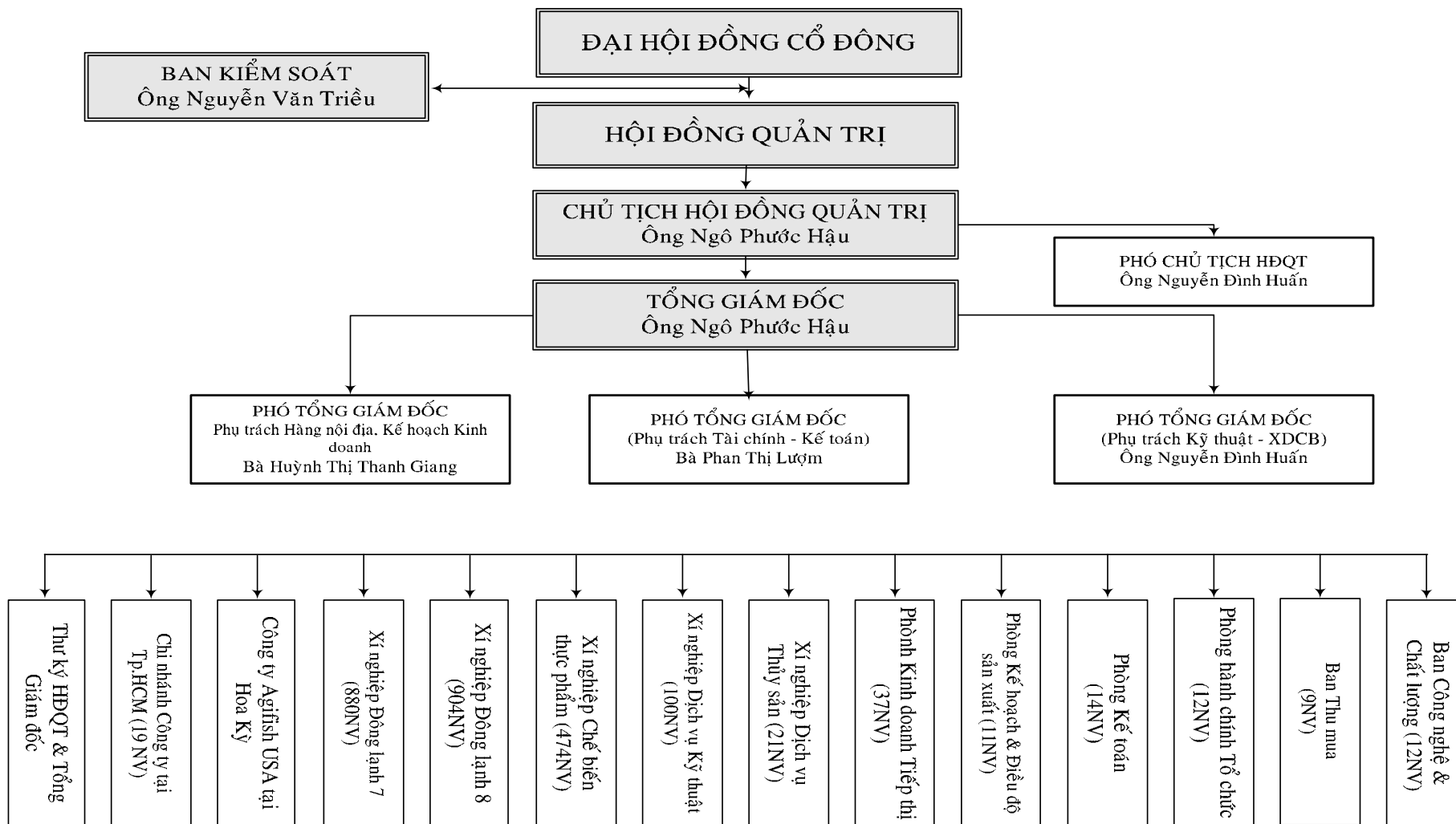
Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ sản xuất kinh doanh phụ phẩm tận dụng từ hai xí nghiệp đông lạnh, và SX hàng GTGT từ cá tra cá basa. Tổng số nhân viên của xí nghiệp là 474 người.

**11. Xí nghiệp dịch vụ thủy sản**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, tư vấn kỹ thuật nuôi cho ngư dân. Tổng số nhân viên của xí nghiệp là 21 người.

**12. Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật**

Xí nghiệp là một đơn vị hạch toán báo sổ, có nhiều quyền tự chủ trong việc quản lý và điều hành toàn bộ các hoạt động kỹ thuật của công ty; Quản lý thực hiện thiết kế và giám sát toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản; Mua bán máy móc thiết bị chuyên ngành chế biến thực phẩm, chế biến thủy sản. Tổng số nhân viên của xí nghiệp là 100 người.

**Hình 1:** Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

#### 4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty

- Công ty Agifish có 4 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tính đến thời điểm 28/02/2006.

**Bảng 2:** Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên họ	Địa chỉ	Số vốn, VNĐ	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông Nhà nước – Đại diện là Ông Ngô Phước Hậu	1234 Trần Hưng Đạo, Tp Long Xuyên, An Giang	8.776.110.000	20,00
2.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp.HCM	2.389.900.000	5,45
3.	Wareham Group Limited	Offshore Incorporations Limited, P.O Box 957, Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	7.291.090.000	16,61
4.	PXP Vietnam Fund Limited	Card Corporation Services Ltd., 2 <sup>nd</sup> Floor, Zephyr House, Mary Street, P.O Box 709, United Kingdom	4.311.090.000	9,82

#### 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1. Giá trị và sản lượng sản phẩm qua các năm

**Bảng 3:** Giá trị và sản lượng sản phẩm của Agifish 2004 – 03/2006

Chỉ tiêu	2004	2005	03/2006
<b>1. Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh</b>			
- Giá trị, triệu VNĐ	421.870	483.070	120.080
- Xí nghiệp đông lạnh 7, tấn thành phẩm	5.700	6.200	1.500
- Xí nghiệp đông lạnh 8, tấn thành phẩm	5.400	6.200	1.400
<b>2. Xí nghiệp chế biến thực phẩm:</b>			
- Giá trị, triệu VNĐ	77.500	88.900	18.990
- Sản lượng hàng giá trị gia tăng, tấn	1.300	1.600	500
- Sản lượng bột cá, tấn	20	-	-
- Sản lượng mỡ cá, tấn	3.360	2.370	336
<b>3. Xí nghiệp dịch vụ thủy sản</b>			
- Giá trị, triệu VNĐ	3.820	24.800	15.860
- Sản lượng thuốc thú y thủy sản, tấn	80	70	10
- Sản lượng thức ăn thủy sản, tấn (kinh doanh)	-	4.060	2.580

### 6.2. Chứng loại và chất lượng sản phẩm

Agifish hiện nay có các nhóm sản phẩm chính như sau: Sản phẩm cá Tra, cá Basa đông lạnh; Sản phẩm giá trị gia tăng; Sản phẩm thuốc thú y thủy sản; và Sản phẩm từ phụ phẩm.

#### a. Cá Tra cá Basa đông lạnh

- Cá Basa và cá Tra đông lạnh là sản phẩm chính có doanh thu chiếm khoảng 73% trong tổng doanh thu của Công ty năm 2005. Phần thịt để làm ra thành phẩm cá Tra và cá Basa fillet đông lạnh chiếm 30 – 40% trọng lượng cá nguyên liệu.
- Sản phẩm của Công ty được chia thành nhiều loại dựa trên kích cỡ và cách đóng gói: Kích cỡ: cá Basa và cá Tra thường phân ra các cỡ loại: 60 – 120, 120 – 170, 170 – 220, 220 – 300, 300 – UP, 170 – UP<sup>(1)</sup> (gr/miếng cá). Đóng gói: sản phẩm cá Basa và cá Tra được đóng gói dưới hai hình thức chính là đông rời (IQF) và đông khối (BLOCK).

<sup>1</sup> UP: lớn hơn

- Đông rời: cho 1 kg thành phẩm vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp 10 túi cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.
- Đông khối: cho mỗi khối 5 kg vào túi nhựa PE hàn kín miệng, xếp hai khối cùng cỡ loại cho vào thùng Carton và dùng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm còn được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau, ví dụ: 5kg/PE – 10kg/thùng, v.v...

Bao bì sử dụng loại giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu.

- Giá bán trung bình 1 kg thành phẩm cá Basa fillet là 3,95 USD/kg và cá Tra fillet là 2,56 USD/kg.
- Chất lượng sản phẩm:

Các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm luôn được đưa lên hàng đầu nhằm đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng và đã được các khách hàng công nhận. Sản phẩm thực hiện theo tiêu chuẩn của khách hàng nhưng không thấp hơn TCVN.

Hiện nay sản phẩm cá đông lạnh của Công ty được quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và ISO 9001:2000. Sản phẩm của Agifish đã được cấp mã (code) vào thị trường Châu Âu (EU) là DL07, DL08 và DL360.

#### *b. Sản phẩm từ phụ phẩm*

- Các phần còn lại của con cá Tra, cá Basa sau khi đã lấy đi phần thịt nạc cho xuất khẩu gồm có đầu xương, da, thịt vụn và mỡ. Tỷ lệ khối lượng phụ phẩm chiếm 60 – 70% khối lượng cá nguyên liệu. Phụ phẩm này chủ yếu được chế biến thành mỡ thực phẩm và bột cá, doanh thu của hoạt động này chiếm khoảng 5% trong tổng doanh thu năm 2005.
- Giá bán trung bình các sản phẩm của Xí nghiệp chế biến thực phẩm là 4.000 – 4.500 VNĐ/kg bột cá và 2.500 – 3.000 VNĐ/kg mỡ.
- Chất lượng bột cá và mỡ thực phẩm đã đạt được những tiêu chuẩn cần thiết do Viện Pasteur Tp. Hồ Chí Minh kiểm nghiệm.

### **6.3. Quy trình sản xuất**

- Công ty Agifish là doanh nghiệp đầu tiên của ngành thủy sản áp dụng mô hình sản xuất kinh doanh khép kín từ khâu sản xuất cá giống, phát triển sinh sản nhân tạo, nuôi cá bè, chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và chế biến tận dụng các phụ phẩm của cá Tra và cá Basa.
- Quy trình sản xuất của Công ty hiện nay được tổ chức qua các đơn vị kinh doanh như sau:
  - Liên hợp sản xuất cá sạch APPU.
  - Các Xí nghiệp đông lạnh;

- *Xí nghiệp chế biến thực phẩm; và*
- *Các hoạt động kinh doanh khác*

*a. Liên hợp Sản xuất Cá sạch*

(xem mục 6.4).

*b. Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh 7*

Xí nghiệp đông lạnh 7 nằm trong khuôn viên trụ sở chính của Công ty tại thành phố Long Xuyên. Xí nghiệp có một vị trí giao thông thuận lợi theo đường bộ là quốc lộ 91 và theo đường thủy là sông Hậu.

Doanh thu của Xí nghiệp chiếm 30,79% tổng doanh thu của Agifish năm 2005.

Nguyên liệu cho sản xuất (cá Tra và cá Basa nguyên con) được vận chuyển bằng ghe chuyên dụng (ghe đục) từ các bè, ao cá đến bên cá của xí nghiệp đông lạnh 7.

Xí nghiệp Đông lạnh 7 có tổng số 880 công nhân viên, trong đó lao động gián tiếp 16 người. Hệ thống thiết bị chính là dàn tủ cấp đông (công nghệ đông tiếp xúc – Contact Freezer) với tổng công suất 7.000kg/m<sup>2</sup>; Hệ thống cấp đông bằng chuyền nhanh (IQF) công suất 900kg/h và hệ thống kho trữ đông với năng lực 920 tấn thành phẩm. Xí nghiệp đông lạnh 7 có công suất bình quân 550 tấn cá đông lạnh thành phẩm một tháng, tương đương 1.650 tấn cá nguyên liệu.

Quy trình sản xuất chế biến thủy sản đông lạnh của Xí nghiệp được thực hiện theo chương trình quản lý chất lượng “*Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP*”, *ISO 9001:2000*, *BRC*, *SQF 2000* (xem hình 2).

Các công đoạn chế biến cá đông lạnh của xí nghiệp được trình bày trong hình 3. Đặc điểm của dây chuyền là các công đoạn chế biến cá đông lạnh sử dụng nhiều lao động thủ công, và có khả năng chuyển đổi từ sản phẩm cá đông lạnh sang các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác như tôm, mực. Ngoài ra, các xí nghiệp đông lạnh đều có trang bị hệ thống xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường cần thiết nhằm hạn chế tác động vào môi trường sinh thái và sinh hoạt của cộng đồng dân cư trong khu vực.

Phần lớn thiết bị đông lạnh của Xí nghiệp đông lạnh 7 được trang bị trong năm 1996 trở về sau, có công nghệ tiên tiến đáp ứng những yêu cầu của các thị trường lớn như Mỹ và Tây Âu. Công ty sử dụng công nghệ tạo nước đá vảy nên vấn đề vệ sinh trong chế biến được đảm bảo. Ngoài ra chất lượng cá đông lạnh được bảo quản tốt hơn, không bị mất đi chất dinh dưỡng trong thịt cá.

Sản phẩm cá đông lạnh của Xí nghiệp 7 đã được cấp mã số (code) vào thị trường Châu Âu là DL07 từ năm 1997.

*c. Xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh 8*

Xí nghiệp Đông lạnh 8 nằm tại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành trên quốc lộ 91, cách Thành phố Long Xuyên 10km về phía tây.



Doanh thu của xí nghiệp chiếm 30,51% tổng doanh thu của Agifish năm 2005.

Cá Tra và cá Basa nguyên liệu được chuyên chở bằng ô tô từ bến cá của đến Xí nghiệp đông lạnh 8.

Xí nghiệp đông lạnh 8 có tổng số 904 công nhân viên, trong đó lao động gián tiếp 22 người. Hệ thống thiết bị chính là dàn tủ cấp đông với tổng công suất 4.700kg/ mẻ và hệ thống kho trữ đông với năng lực 170 tấn thành phẩm. Máy móc thiết bị của Xí nghiệp 8 cũng được trang bị tương tự như Xí nghiệp 7. Xí nghiệp đông lạnh 8 có công suất bình quân 550 tấn cá đông lạnh thành phẩm một tháng.

Quy trình sản xuất chế biến thủy sản đông lạnh của Xí nghiệp 8 cũng được thực hiện theo chương trình quản lý chất lượng “*Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP*”, *ISO 9001:2000*, *BRC*, *SQF 2000*.

Năm 2001, sản phẩm cá đông lạnh của Xí nghiệp 8 cũng được cấp mã số (code) vào thị trường Châu Âu là DL08.

#### *d. Xí nghiệp chế biến thực phẩm*

Đầu năm 2001, Công ty Agifish - sau một thời gian hoàn thiện qui trình công nghệ sản xuất bột cá - đã nâng cấp phân xưởng chế biến phụ phẩm thành Xí nghiệp chế biến thực phẩm. Xí nghiệp chế biến thực phẩm là phần cuối cùng trong hệ thống sản xuất của Công ty.

Xí nghiệp chế biến thực phẩm nằm đối diện trụ sở chính Công ty tại Thành phố Long Xuyên, gồm 2 phân xưởng: phân xưởng chế biến phụ phẩm (F10) và phân xưởng chế biến hàng giá trị gia tăng (F9).

Tổng số nhân viên của Xí nghiệp là 474 người, trong đó lao động gián tiếp 18 người.

Nguyên liệu chính của phân xưởng chế biến phụ phẩm là đầu, xương, da, thịt vụn, mỡ tận dụng từ các Xí nghiệp đông lạnh 7 và 8. Trung bình phân xưởng tiêu thụ 100 tấn phụ phẩm/ngày.

Phân xưởng phụ phẩm chế biến trung bình được 30 bột cá (bột ướt), 8 tấn mỡ cá/ngày. Sản phẩm của phân xưởng hiện nay chủ yếu cung cấp cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc và các hộ nuôi gia súc, thủy sản.

Tổng doanh thu của phân xưởng phụ phẩm năm 2005 chiếm 6,11% tổng doanh thu của Công ty.

*Qui trình sản xuất qua các công đoạn như sau:*

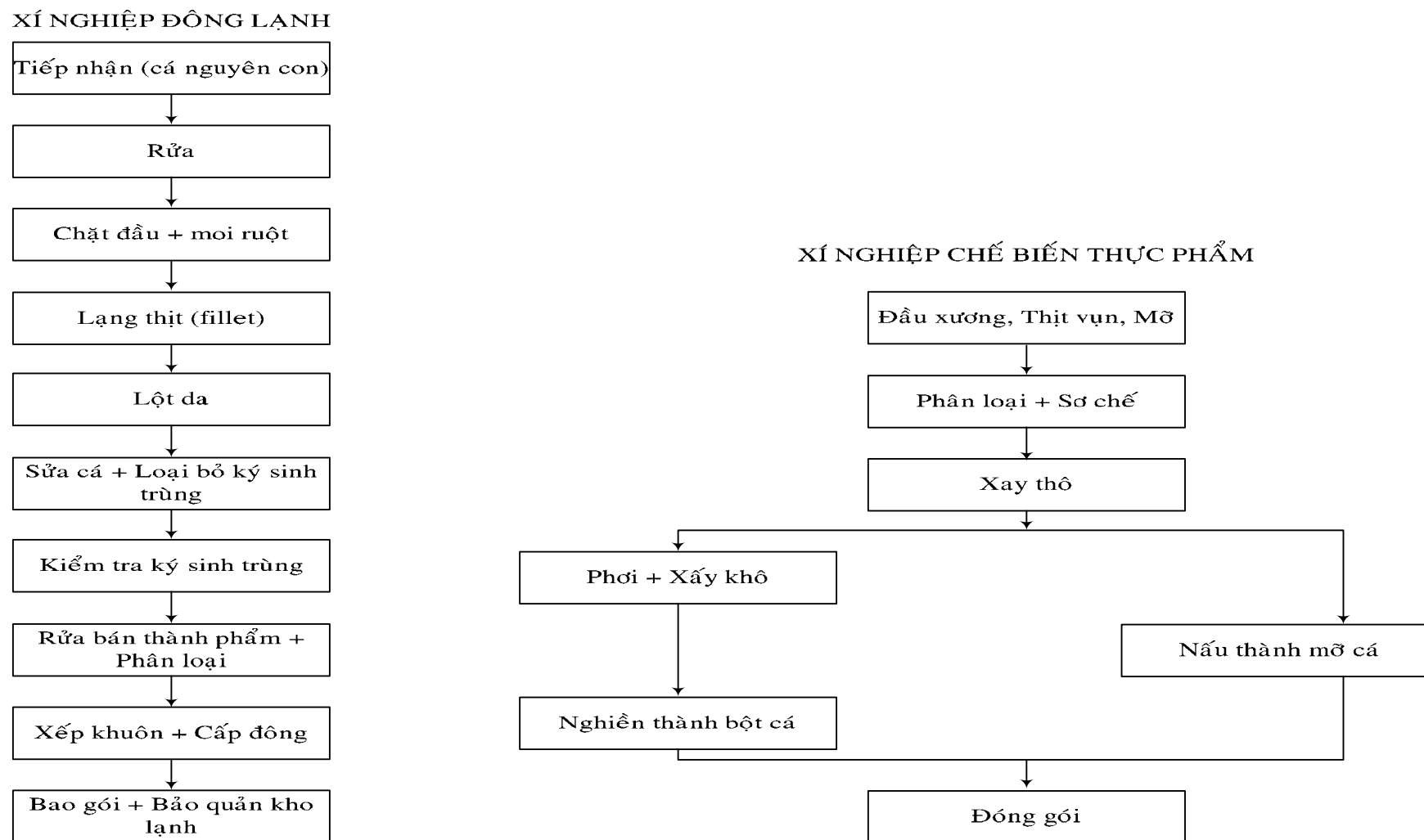
- Phân loại, sơ chế.
- Phần thô: Xay thô => phơi và sấy khô => nghiền nhỏ thành bột thức ăn gia súc.
- Phần mỡ: Nấu mỡ cá => lọc => chiết thành mỡ thực phẩm.

Phân xưởng chế biến hàng GTGT: Chế biến các mặt hàng GTGT từ nguyên liệu cá Basa, cá Tra tiêu thụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Trung bình chế biến được 180 thành phẩm/tháng. Tổng doanh thu của phân xưởng chế biến hàng GTGT năm 2005 chiếm 5,09% tổng doanh thu của Công ty.

*e. Các hoạt động kinh doanh khác*

Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác các mặt hàng nông thủy sản (tôm, mực, nông sản thực phẩm) hóa chất, dụng cụ sản xuất. Sản xuất, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; Kinh doanh thức ăn thủy sản.

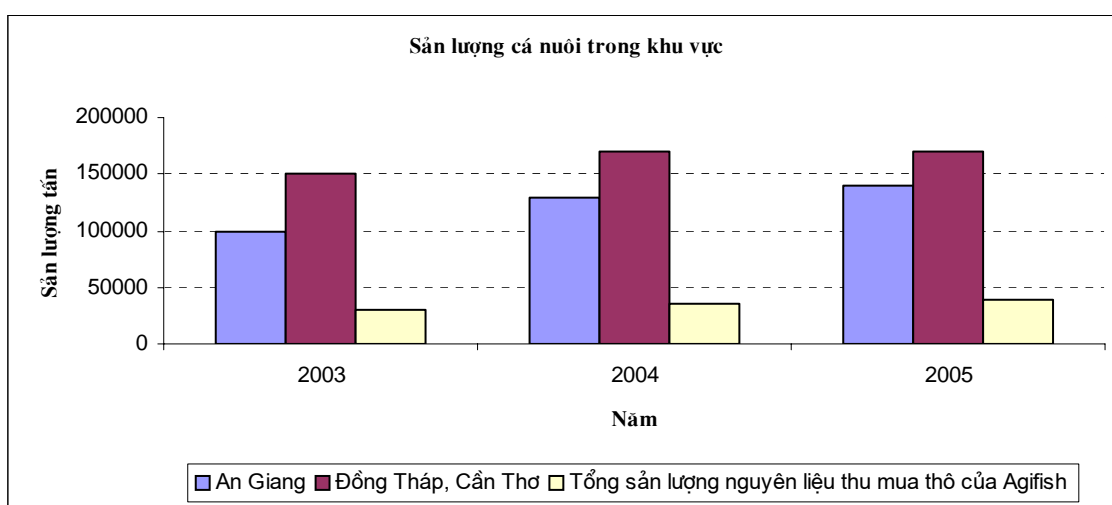
Hoạt động kinh doanh này chiếm một tỷ trọng 27,5% trong tổng doanh thu Công ty trong năm 2005.

**Hình 2:** Sơ đồ Quy trình sản xuất của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

#### 6.4. Nguyên vật liệu

- Cá Basa và đặc biệt là cá Tra là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản đông lạnh của Agifish. Nghề nuôi cá, từ chỗ hoàn toàn lệ thuộc vào nguồn cá giống khai thác tự nhiên đã chuyển sang hoàn toàn chủ động về giống và mở rộng từ nuôi bè sang nuôi ao và nuôi trong quảng đặng, hồ ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khô, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết của vùng đầu nguồn sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm. Hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp nằm ở đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu với những ưu đãi của thiên nhiên, môi trường sinh thái phù hợp đã trở thành trung tâm của hoạt động nuôi cá. Biểu đồ sau sẽ cho thấy sự tăng trưởng của sản lượng cá nuôi trong khu vực:

**Hình 3:** Sản lượng cá nuôi trong khu vực



- Qua biểu đồ có thể thấy riêng năm 2005 ước tính sản lượng cá nuôi tại 3 tỉnh này là khoảng 320.000 tấn. Trong khi đó trung bình mỗi năm Công ty tiêu thụ hơn 35.000 tấn cá nguyên liệu. Nguyên liệu cá nguyên con được Công ty thu mua trực tiếp từ các bè, ao hồ của ngư dân dọc sông Hậu, sông Tiền. Giá thu mua cá nguyên con đầu vào khoảng 12.000 – 14.000 VNĐ/kg và có thể thay đổi do biến động giá thị trường tiêu thụ.
- Để đáp ứng với những yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm để đảm bảo sự an toàn của sản phẩm, quản lý tốt nguồn nguyên liệu, góp phần bảo môi trường sinh thái và ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty Agifish đã thành lập Liên hợp Sản xuất Cá sạch APPU nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thêm lợi nhuận cho người nuôi cá. Mục đích chính của APPU là:
  - Cung cấp cho thị trường những sản phẩm đúng yêu cầu;
  - Góp phần điều tiết cung - cầu tạo cơ sở phát triển bền vững cho ngành cá bè tỉnh An Giang nói riêng và cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung;

- Tiếp nhận thông tin kỹ thuật, ứng dụng cho chăn nuôi cùng nhau trao đổi, hoàn thiện qui trình chăn nuôi sao cho đạt được hiệu quả cao nhất cho từng thành viên trong liên hợp;
- Thực hiện chương trình kiểm soát chất lượng sản phẩm từ “Vùng nuôi đến bàn ăn”;
- Tôn chỉ hoạt động: để thực hiện những mục đích trên, Liên hợp yêu cầu bắt buộc tất cả những thành viên phải thực hiện chung chương trình Quản lý chất lượng SQF 1000. Tiêu chuẩn này xuyên suốt trong quá trình chăn nuôi cho đến chế biến sản phẩm.

Mối quan hệ giữa Công ty Agifish và các thành viên Liên hợp dựa trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, cùng nhau có lợi và hỗ trợ nhau xây dựng kế hoạch sản xuất tạo sự ổn định trong chăn nuôi cũng như chế biến để đáp ứng nhu cầu thị trường về chất lượng, giá cả, số lượng, cơ cấu, uy tín và đảm bảo thời gian giao hàng.

Định hướng phát triển của Liên hợp Sản xuất Cá sạch APPU là từng bước chuyên dần sản phẩm hiện tại qua sản phẩm cá sạch cho Công ty Agifish, cho toàn Tỉnh An Giang và cho cả đồng bằng sông Cửu Long. Đây là một hướng đi tích cực của Công ty Agifish nhằm cải thiện ngành công nghiệp cá Tra, Basa của cả khu vực.

- Ngoài nguyên liệu để chế biến thành phẩm là cá Tra và cá Basa, những nguyên vật liệu khác cần thiết cho quá trình sản xuất là bao bì (PE) và các loại thùng, hộp carton dùng để đóng gói.

Hiện tại, Công ty có một phân xưởng sản xuất bao bì bằng PE và thực hiện in ấn nhãn mác hàng hóa. Các loại thùng, hộp carton được Công ty mua từ các nhà cung cấp bên ngoài.

- Căn cứ vào kế hoạch và tình hình sản xuất trong tháng Phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất sẽ lên kế hoạch nhập nguyên vật liệu cụ thể. Ngoài ra còn có các loại nguyên vật liệu đi với từng hợp đồng cụ thể sẽ đáp ứng theo từng lúc yêu cầu. Thời gian lưu kho nguyên vật liệu đảm bảo đủ sản xuất trong tháng không để tồn đọng. Các nguyên vật liệu tồn đọng rất ít xảy ra, nếu có là do đặt trước theo hợp đồng xuất khẩu nhưng sau đó không thực hiện.
- Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty:
  - Công ty TNHH Hữu Tín, Tp. HCM;
  - Công ty TNHH Thành Đạt, Cần Thơ;
  - DNTN Tân Tự Lực, Tp. HCM;
  - Bao bì Vạn Thành, Tp. HCM;
  - Bao bì Bảo vệ thực vật An Giang;
  - Công ty SXKD giấy in và bao bì LIKSIN, Tp. HCM;
  - Công ty bao bì nhựa Tân Tiến, Tp. HCM.
  - Công ty TNHH Ngọc Xuân Dinh, Tp. HCM.

## 6.5. Chi phí sản xuất

- Tỷ trọng chi phí sản xuất trên giá bán của Agifish (năm 2005) cá Tra, cá Basa là 87%.
- Việc tăng giảm chi phí sản xuất sẽ ảnh hưởng đến giá bán và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Chi phí sản xuất chịu tác động của mùa vụ và sản lượng nuôi của ngư dân. Đặc điểm của Agifish là sản xuất theo đơn đặt hàng, do đó việc thương lượng giá bán và giá mua nguyên liệu theo nguyên tắc đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi.

Chi phí sản xuất hiện tại của Công ty Agifish thấp hơn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Nguyên nhân là do Công ty chủ động về nguồn nguyên liệu, có ưu thế về công nghệ, có đội ngũ công nhân lành nghề, có nhiều khách hàng truyền thống và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn của những thị trường lớn như Mỹ, Hồng Kông, Châu Âu, v.v...

## 6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm

- Hoạt động nghiên cứu và phát triển đã được Công ty Agifish quan tâm và đầu tư xuyên suốt từ nhiều năm nay. Hàng năm, công ty tham gia đầy đủ các đợt hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, thông qua đó có thể tìm hiểu, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới. Trong những năm từ 2003 – 2005, Công ty đã cho ra đời nhiều mặt hàng GTGT phù hợp với yêu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng, áp dụng các công nghệ mới để làm ra những sản phẩm có giá trị cao hơn, đa dạng hơn.

## 6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Trong lĩnh vực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu việc kiểm tra chất lượng sản phẩm là vấn đề rất quan trọng. Ở Mỹ, HACCP là qui định bắt buộc áp dụng đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản bắt đầu có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 1997. Nhận thức được điều đó, từ năm 1997 Agifish đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn HACCP (*Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn*). Năm 2002, tổ chức SGS cấp chứng nhận ISO 9001:2000 và gần đây công ty được cấp chứng nhận BRC và SQF 2000 trong năm 2005. Đây là những công cụ hữu ích và quan trọng để đánh giá mối nguy và thiết lập các hệ thống kiểm soát tập trung vào việc phòng ngừa thay cho việc chỉ kiểm tra thành phẩm. Nhờ vậy các sản phẩm thủy sản đông lạnh của Công ty Agifish đã đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng Mỹ và Châu Âu. Đến nay sản phẩm của Công ty đã được cấp 3 mã số (code) vào Châu Âu thuộc nhóm 1.
- Về nhân sự, Agifish đã có 100 cán bộ nhân viên có chứng chỉ quản lý chất lượng do các tổ chức trong và ngoài nước cấp. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật (KCS) đi dự các lớp đào tạo về chương trình quản lý chất lượng do SEAQIP (*Dự án hỗ trợ nâng cao chất lượng thủy sản xuất khẩu*) và NAFIQAVED (*Cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và thú y thủy sản*) tổ chức; bên cạnh đó cũng đã mời các chuyên gia tư vấn của FDA (*Cơ quan dược phẩm và thực phẩm Mỹ*) đến làm việc tại Công ty để góp ý về chương trình HACCP của Công ty.
- Để đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh trong sản xuất, Công ty trang bị phòng kiểm nghiệm. Kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh theo tiêu chuẩn của EU: TPC, Coliforms, Stap,

Enterro Ecoli, Sal, Listeria, Vibrio và các hóa chất kháng sinh cấm như: Chloramphenicol, Nitrofuzan, Nhóm Fluoroquinolones, Malachite Green và Leuco Malachite Green, nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc khuyến cáo nếu bị nhiễm vi sinh.

Ngoài ra, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải hiện đại cho các xí nghiệp chế biến. Đồng thời kết hợp với các ngành chức năng của địa phương giúp ngư dân thực hiện tốt các quy định về việc bảo vệ môi trường, hạn chế gây ô nhiễm môi trường nuôi, tạo sản phẩm cá nuôi có chất lượng ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Quản lý chất lượng là 1 quá trình, được áp dụng với tất cả các khâu trong quy trình sản xuất của Công ty. Đây là 1 quy trình khép kín từ khâu kiểm tra chất lượng cá nguyên liệu trước khi được chở tới xí nghiệp, đến các công đoạn chế biến sản phẩm đông lạnh, đóng gói và bảo quản thành phẩm cho xuất khẩu.
- Đối với nguyên liệu đầu vào, bộ phận thu mua đánh giá dựa trên những tiêu chuẩn sau:
  - Mỗi lô nguyên liệu trước khi thu hoạch được phòng kiểm nghiệm của công ty lấy mẫu kiểm tra đạt yêu cầu về dư lượng hóa chất kháng sinh cấm theo qui định hiện hành của Bộ Thủy Sản.
  - Mỗi lô nguyên liệu phải kèm theo tờ cam kết và tờ khai xuất xứ nguyên liệu;
  - Cá nguyên liệu phải còn sống khi đến nhà máy, không có dấu hiệu bị bệnh;
  - Không được sử dụng thuốc kháng sinh trong vòng 28 ngày trước khi thu hoạch để đảm bảo an toàn thực phẩm;
  - Đảm bảo đúng kích cỡ theo hợp đồng;
- Đối với thành phẩm, bộ phận KCS sẽ kiểm tra chất lượng theo những tiêu chuẩn sau:
  - Đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn cho người tiêu dùng;
  - Đảm bảo đúng kích cỡ trọng lượng tịnh;
  - Có giá trị cảm quan: màu trắng đẹp, mùi tự nhiên, vị ngọt, cơ cấu thịt săn chắc không lẫn tạp chất;
  - Nhiệt độ trung tâm sản phẩm  $\leq -18^{\circ}\text{C}$ ;
  - Theo đúng cơ cấu hợp đồng đã được xác nhận giữa khách hàng, thị hiếu, thị trường và Công ty.

### 6.8. Hoạt động Marketing

- Công ty có một hệ thống khách hàng truyền thống ổn định tại các thị trường Đức, Thụy Sĩ, Anh, Bỉ, Pháp, Hong Kong, Singapore, Đài Loan, Úc, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Nga, Nhật, v.v... Hiện nay, số lượng khách hàng hiện thời là 40 doanh nghiệp, các khách hàng này đã gắn bó với công ty trong một thời gian dài nên mặc dù có những biến động và ảnh hưởng của môi trường bên ngoài như vụ khủng bố vào nước Mỹ ngày 11/09/2001 hay vụ tranh chấp về thương hiệu cá Basa và cá Tra vừa rồi tại thị trường Mỹ nhưng sản lượng xuất khẩu của Agifish vào các thị trường này không bị biến động đáng kể.

Ngoài các khách hàng hiện thời, Công ty cũng nỗ lực tìm kiếm các khách hàng mới, các tiếp xúc gần đây với các tập đoàn siêu thị lớn ở Mỹ đã có hứa hẹn tiêu thụ khoảng 9.000 tấn cá/năm (fillet, cắt sợi, nguyên con). Tháng 6/2005 vừa qua, Công ty đã được Sysco - nhà phân phối thực phẩm lớn nhất Bắc Mỹ chấp nhận các xí nghiệp của Công ty Agifish đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh để có thể bán sản phẩm vào Mỹ. Điều này là rất thuận lợi, nếu Sysco mua sản phẩm cá Basa hay cá Tra của Công ty Agifish thì vấn đề nhãn hiệu hàng hoá sẽ không còn quan trọng nữa bởi vì Sysco sẽ sử dụng nhãn hiệu của mình để bán các sản phẩm của Agifish trên thị trường Bắc Mỹ.

- Do tính chất của lĩnh vực kinh doanh, hoạt động Marketing hiện nay chủ yếu là do Ban Giám đốc đảm nhiệm.

Phương thức Marketing mà Công ty đang áp dụng là kết hợp với Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tham dự các hội chợ thủy sản quốc tế hàng năm (Vietfish – Việt Nam, Boston, San Francisco – Mỹ, Brussel – Bỉ, Bremen – Đức, v.v...) để giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm các cơ hội mua bán. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng Internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng. Đối với những thị trường mới, Công ty thường sử dụng những kênh phân phối có sẵn.

- Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với các khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới. Có kế hoạch phân công theo dõi chặt chẽ tiến độ, khối lượng và doanh số mua bán từng khách hàng để có những điều chỉnh thích hợp. Bên cạnh đó Công ty cũng đang mở rộng thêm các mặt hàng giá trị gia tăng khác như: tôm, cá xiên que, tẩm bột v.v... cung cấp cho các siêu thị, nhà hàng và đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng cá fillet tươi sống bằng máy bay nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng.

## 6.9. Biểu tượng (logo) của Công ty

- Nhãn hiệu thương mại của Công ty



- Ý nghĩa của lôgô: lôgô có hình chóp, phía trên là hình tam giác cân lớn sọc ngang màu xanh, chữ AGIFISH màu đỏ là tên tự đặt nằm trên hình tam giác cân đó, góc bên trái tam giác cân lớn có hình tam giác cân nhỏ màu đỏ. Phía dưới là những đường uốn lượn màu xanh biểu tượng cho sông nước và con cá đang bơi giữa bốn làn sóng nước.



### 6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

- Hình thức mua bán của Agifish là bán trực tiếp với khách hàng, thông qua các hợp đồng xuất khẩu (đối với khách hàng ngoài nước) và hợp đồng mua bán (khách hàng trong nước). Có trường hợp Công ty ủy thác cho các đơn vị khác trong nước để xuất khẩu thông qua các hợp đồng ủy thác.
- Các hợp đồng xuất khẩu của Công ty chủ yếu là hợp đồng ngắn hạn (3 tháng) và giao dịch theo thông lệ quốc tế với L/C đảm bảo. Khách hàng chủ yếu là các nhà phân phối thực phẩm ở các nước sở tại. Công ty đang cố gắng ổn định nguồn nguyên liệu cá bè (sản lượng theo kích cỡ cá) để có thể chủ động trong sản xuất kinh doanh và ký kết các hợp đồng dài hạn.
- Hiện nay hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty trung bình chiếm 80% sản lượng, phần còn lại là các khách hàng mua lẻ.

Ở các thị trường chính Công ty đều có khách hàng truyền thống: thị trường Mỹ có 3 khách hàng, Châu Âu 2 khách hàng, Hồng Kông 5 khách hàng và Singapore 1 khách hàng.

Tin tưởng và quyết tâm gắn bó với tương lai phát triển của Agifish, 3 khách hàng truyền thống đã mua cổ phần của Công ty ngay khi cổ phần hóa.

### 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

- Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 4:** Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2004 – 03/2006)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	CHỈ TIÊU	2004	2005	2006	
				03/2006	Ước cả năm
1.	Tổng giá trị tài sản	325.197.211	251.633.250	267.164.416	-
2.	Doanh thu thuần	888.124.775	790.966.271	198.877.453	850.000.000
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.169.826	30.483.550	8.880.290	-
4.	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(8.532.296)	(4.519.248)	(1.502.501)	-
5.	Lợi nhuận bất thường	1.044.360	(415.357)	257.171	-
6.	Lợi nhuận trước thuế	20.681.890	25.548.945	7.634.960	32.000.000
7.	Lợi nhuận sau thuế	18.097.541	22.355.327	6.680.590	28.000.000
8.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	18%	18%	-	12%

- Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
  - Doanh thu thuần năm 2005 giảm 11% so với năm 2004, nguyên nhân chính là năm 2005 sản lượng cá fillet đông lạnh xuất khẩu giảm 8,5% (2005: 14.062 tấn/15.370 tấn: 2004) do Công ty ngưng thuê gia công bên ngoài.
  - Lợi nhuận sau thuế năm 2005 tăng 23,52% so với năm 2004, nguyên nhân chính là Công ty tăng cường các biện pháp quản lý nhằm hợp lý hóa sản xuất, kiểm soát tốt chi phí làm giảm giảm chi phí và giá thành làm tăng lợi nhuận.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

### - Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Agifish có vị thế đặc biệt trong ngành thủy sản (sản xuất cá Tra, cá Basa), là đơn vị đầu tiên trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá Basa, cá Tra fillet. Quá trình phát triển của Agifish gắn liền với sản phẩm độc đáo là cá Tra, cá Basa Việt Nam nổi tiếng trên thị trường thế giới với chất lượng thịt cá trắng, vị thơm ngon.

Hiện nay trong cả nước có trên 20 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cá Tra, cá Basa đông lạnh theo quy trình sản xuất mà Agifish áp dụng hơn 15 năm qua. Agifish là doanh nghiệp đầu tiên tham gia hợp tác nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất giống nhân tạo cá Basa và cá Tra thành công, tạo ra bước ngoặt phát triển nghề nuôi và chế biến cá Tra và cá Basa trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Công ty Agifish hiện là doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra và cá Basa fillet đông lạnh đứng hàng thứ 2 trong năm 2005 (14.489 tấn). Lợi thế cạnh tranh của Agifish là ổn định được nguồn nguyên liệu đầu vào, có trang thiết bị máy móc hiện đại, và đã tạo được mối quan hệ đối tác với nhiều khách hàng lớn ở các thị trường nhập khẩu.

### - Triển vọng phát triển của ngành

Xu hướng thị trường thế giới là nhu cầu thủy sản ngày càng tăng, đối với sản phẩm cá Tra, cá Basa đang được các nước nhập khẩu xem như là sản phẩm thay thế cá thịt trắng có nguồn gốc từ các vùng biển nhờ giá cá tương đối thấp, chất lượng thơm ngon, sản lượng dồi dào và ổn định. Các nhà máy chế biến thủy sản tại châu Âu rất cần nguyên liệu cá Tra và cá Basa Việt Nam. Mặt khác thị trường đang được rộng mở như Ba Lan, Nga, các nước Nam Mỹ, v.v... Đặc biệt, khi vụ kiện cá Tra, cá Basa tại thị trường Mỹ chấm dứt trong những năm sắp tới, việc xuất khẩu vào Mỹ sẽ dễ dàng hơn, sản lượng tiêu thụ tăng nhanh. Sản lượng cá Tra, cá Basa đạt trên 400.000 tấn (năm 2005) đứng hàng thứ 3 sau cá hồi, cá rô phi và trên cá catfish Mỹ.

- *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:* Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam chuẩn bị cho Hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, Công ty định hướng phát triển trong những năm tới như sau:

Tổ chức lại sản xuất để phát triển bền vững: Đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ; Thành lập Liên hợp sản xuất cá sạch AGIFISH (APPU - Agifish Pure Pangasius Union); Áp dụng và thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Xây dựng và hợp chuẩn hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng từ ao nuôi đến chế biến sản phẩm xuất khẩu; Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng uy tín và thương hiệu, chất lượng và giá thành sản phẩm.

Liên kết cộng đồng xây dựng vùng nuôi an toàn, thân thiện với môi trường: Không sử dụng kháng sinh và hoá chất bị cấm; Khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học; Thực hành nuôi tốt GAP (Good Aquaculture Practice); Bảo vệ môi trường.

Liên kết giữa các Doanh nghiệp trong các Hiệp hội nghề nghiệp: Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; Trao đổi thông tin về thị trường, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực; Xây dựng và quảng bá thương hiệu chung.

Liên kết, hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối lớn ở các thị trường: Xây dựng mối hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối lớn, các hệ thống siêu thị, chuỗi các nhà hàng, các tổ chức dịch vụ thực phẩm tại các thị trường; Dự báo nhu cầu và diễn biến thị trường. Từng bước xây dựng hệ thống phân phối thủy sản Việt Nam tại nước ngoài.

Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản và sản xuất kinh doanh. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sang các lĩnh vực khác: Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, điện nước; Kinh doanh bất động sản và các hoạt động có liên quan đến bất động sản.

Tăng cường đào tạo cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ nghiên cứu và cán bộ marketing để chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế thừa.

Định hướng như trình bày bên trên hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

## 9. Chính sách đối với người lao động

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang thực hiện nghiêm chỉnh Bộ Luật Lao Động của Nhà nước Việt Nam, triển khai cụ thể đến toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; giải quyết đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản v.v... theo quy định của Nhà nước đối với cán bộ công nhân viên. Công ty đã thành lập phòng y tế cho mỗi xí nghiệp sản xuất để giải quyết khám bệnh kịp thời cho công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn làm tốt công tác bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ lao động và các quy chế an toàn lao động. Công ty có hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh một cách đầy đủ và an toàn cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty bố trí hợp lý thời gian làm việc, bình quân 41 giờ/tuần (lao động gián tiếp), 48 giờ/ tuần (lao động trực tiếp), đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng buổi cơm trưa cho cán bộ công nhân viên. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty được đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

- Công ty thực hiện đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ công nhân viên. Công ty tổ chức học tập và thi tay nghề định kỳ hàng năm cho công nhân trực tiếp sản xuất để xét nâng bậc tay nghề và nâng bậc lương. Bình quân hàng năm nâng bậc lương cho 300 người, trình độ tay nghề trung bình của công nhân hiện nay là bậc 3/6.
- Công ty đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, lương bình quân của cán bộ công nhân viên trong năm 2005 là 1.459.674 đồng/tháng.

## 10. Chính sách cổ tức

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 06 tháng.
- Trong những năm gần đây và sắp tới, Công ty áp dụng chính sách trả cổ tức ở mức trung bình nhằm sử dụng nguồn lợi nhuận giữ lại đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao giá trị Công ty và tối ưu hóa lợi nhuận cho cổ đông. Từ năm 2001 – 2003 tỷ lệ cổ tức là 24%/năm; Từ năm 2004 – 2005 tương ứng là 18% và 13%/năm. Dự kiến cổ tức năm 2006 là 12%/năm.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính.

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Trích khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao tài sản cố định dựa theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính.
- Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Công ty là 1.459.674 VNĐ (năm 2005).
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: tính đến 31/03/2006 công ty không có nợ đến hạn.
- Việc thực hiện trích lập các quỹ theo luật định, Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và điều lệ của Công ty. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty trích lập các quỹ:
  - a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
  - b. Các quỹ khác do HĐQT trình ĐHCĐ quyết định:
    - Quỹ đầu tư phát triển;
    - Quỹ khen thưởng;
    - Quỹ phúc lợi.
  - c. Ngoài ra còn có các quỹ khác không hình thành từ lợi nhuận như:

- Quỹ bảo hành sản phẩm;
  - Quỹ khấu hao tài sản cố định;
  - Quỹ khấu hao sửa chữa lớn;
  - Quỹ giảm giá hàng tồn kho.
- Tổng dư nợ vay (31/03/2006): 119.263.196.164 đồng, trong đó vay dài hạn: 10.938.238.505 đồng.
- Tình hình công nợ hiện nay (31/03/2006):
- a. Các khoản phải thu: 90.803.111.294 đồng
  - b. Các khoản phải trả: 22.449.511.384 đồng

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 5:** Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong giai đoạn 2004 – 2005

CHỈ TIÊU	ĐVT	2004	2005
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,09
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0,69
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ / Tổng số tài sản	%	72,94	59,56
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,70	1,47
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Vòng/năm	12,73	10,81
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,72	3,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,05	2,84
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,57	21,97
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,22	3,30

## 12. HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

### Hội Đồng Quản Trị

#### 1. Ông Ngô Phước Hậu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 43.890 cổ phần (1,00%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/06/1956

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 1234 Trần Hưng Đạo, Tp Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân sinh hóa

Quá trình công tác

1979 – 1984: Công tác tại Công ty Thủy sản An Giang, chức vụ: Trưởng phòng.

1984 – 1985: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản An Giang

1985 – 1989: Phó Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh

1989 – 1995: Phó Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Nông Thủy sản An Giang (AFIEX).

1995 – 2001: Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

2001 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish; Phó Chủ tịch Hiệp hội VASEP. Từ năm 2003 là thành viên Hội đồng quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam

Những người có liên quan: không có.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

#### 2. Ông Nguyễn Đình Huấn

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 43.890 cổ phần (1,00%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 15/11/1953

Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 24B Tôn Đức Thắng, Tp Long Xuyên, An Giang  
Trình độ văn hóa: Đại học  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện  
Quá trình công tác  
1995 – 2001: Phó Giám đốc Công ty Agifish  
2001 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

### 3. Bà **Phan Thị Lượm**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 43.890 cổ phần (1,00%)

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 17/09/1949

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 45/10A phường Mỹ Thạnh, Tp Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1995 – 2001: Kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản An Giang

2001 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Agifish

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

### 4. Bà **Huỳnh Thị Thanh Giang**

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Agifish

Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 43.890 cổ phần (1,00%)

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 05/01/1962  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 206 hẻm 6, Trần Hưng Đạo, Mỹ Xuyên, An Giang  
Trình độ văn hóa: Đại học  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

1985 – 2001: Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An Giang  
2001 – 03/2003 : Trưởng ban kiểm soát Công ty Agifish  
04/2003 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Những người có liên quan

Chồng: Nguyễn Ngọc Duyên Số cổ phần nắm giữ: 10 cổ phần (0,00%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

5. Ông **Phù Thanh Danh**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish

Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Agifish tại Tp Hồ Chí Minh

Số cổ phần nắm giữ: 43.890 cổ phần (1,00%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/02/1967

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 25 Thủ Khoa Nghĩa, Thị xã Châu Đốc, An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác

1997 – 2001: Công ty XNK Thủy sản An Giang – Phó Giám đốc chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.  
2001 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Agifish tại Tp Hồ Chí Minh.

Những người có liên quan:

Vợ Châu Ngọc Bích Số cổ phần nắm giữ: 12.421 cổ phần (0,28%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.



**6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish

Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh 7, Công ty cổ phần Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 45.990 cổ phần (1,05%)

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/12/1959

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 580A/ 29 Bình Thới 2, Bình Khánh, Tp Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ chế biến thực phẩm Cần Thơ

Quá trình công tác

1986 – nay: Cán bộ Công ty Agifish

Những người có liên quan:

Chồng: Nguyễn Minh Phong Số cổ phần nắm giữ: 7.600 cổ phần (0,18%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

**7. Ông Phan Hữu Tài**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Agifish

Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 24.960 cổ phần (0,57%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 10/02/1967

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 2B6 Trần Cao Vân, Tp Long Xuyên, An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản

Quá trình công tác

1995 – 2001: Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An Giang

2001 đến nay: Giám đốc xí nghiệp đông lạnh 8, Công ty cổ phần Agifish,  
Trợ lý Tổng Giám đốc

Những người có liên quan: Không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không.

#### 8. Ông **Võ Phước Hưng**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Agifish

Thư ký Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 24.024 cổ phần (0,55%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/06/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 232 Thủ Khoa Huân, phường B, Thị xã Châu Đốc, An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nuôi trồng thủy sản

Quá trình công tác

1995 – 2001: Công tác tại Công ty XNK Thủy sản An Giang

2001 – nay: Thư ký Công ty, Thư ký Tổng Giám đốc

Những người có liên quan:

Vợ: Triệu Thị Tươi Số cổ phần nắm giữ: 126 cổ phần (0,002%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

#### 9. Ông **Hồ Xuân Thiên**

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Agifish

Giám đốc Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 21.945 cổ phần (0,50%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/01/1950

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 574A Võ Thị Sáu, Tp Long Xuyên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học

Quá trình công tác

1995 – 2001: Giám đốc Xí nghiệp phụ phẩm

2001 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Công ty Agifish

Những người có liên quan

Vợ: Nguyễn Thị Cúc Số cổ phần nắm giữ: 3.286 cổ phần (0,07%)

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

#### 10. Ông Võ Tòng Xuân

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish (thành viên bên ngoài)

Số cổ phần nắm giữ: 4.200 cổ phần (0,10%)

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/09/1940

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 25 Võ Thị Sáu, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Giáo sư Nông học

Quá trình công tác

1975 đến nay: Hiệu phó Trường Đại học Cần Thơ

2000 đến nay: Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang

Những người có liên quan: không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

#### 11. Ông Lê Công Định

Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Agifish (thành viên bên ngoài)

Số cổ phần nắm giữ: không

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/10/1968

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 163/8 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Luật sư

Quá trình công tác

1991:	Công tác tại Phòng Công chứng Thành phố Hồ Chí Minh
1992:	Luật sư – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh
1993:	Luật sư – Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam
1994 – 1998:	Công tác tại Văn phòng Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh
1998 – 2000:	Học và làm việc tại Mỹ
2000 – 2005:	Luật sư Công ty Luật White & Case và YKVN
11/2006 – nay:	Phó chủ nhiệm đoàn luật sư Tp HCM và Trưởng văn phòng luật sư DC

Những người có liên quan: Không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

**Ban Kiểm Soát**

1. Ông **Nguyễn Văn Triều**

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish

Nhân viên phòng Kế toán, Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: không

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 15/8 ấp Mỹ Chánh, xã Mỹ Đức, Châu Phú, An Giang

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp tài chính kế toán

Quá trình công tác

1997 – 2000: Kế toán trưởng XN nuôi cá bè và CB nước mắm Công ty Agifish

Hiện nay: Kế toán tổng hợp Công ty Agifish

Những người có liên quan: Không có

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

2. Bà **Huỳnh Thị Thanh Trúc**

Kiểm soát viên Công ty Agifish

Số cổ phần nắm giữ: 20.580 cổ phần (0,47%)  
Giới tính: Nữ  
Ngày sinh: 27/06/1961  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 1/12 Nguyễn Xí, Phường Mỹ Bình, Tp Long Xuyên  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Trung cấp Tài chính Kế toán  
Quá trình công tác  
1991: Kế toán Công ty XNK Nông thủy sản An Giang (AFIEX)  
1995: Kế toán Công ty XNK Thủy sản An Giang  
2001 đến nay: Phó phòng Kế toán Công ty Agifish

Những người có liên quan: không có.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

### 3. Ông **Huỳnh Việt Nhân**

Kiểm soát viên Công ty Agifish  
Giám đốc Công ty cổ phần vận tải lạnh An Giang  
Số cổ phần nắm giữ: 630 cổ phần (0,01%)  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 25/08/1968  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 257 B/13 Bình Thới, phường Bình Khánh, Tp Long Xuyên  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán  
Quá trình công tác  
1989 – 1998: Kế toán viên Công ty XNK Thủy sản An Giang  
1999 – 2002: Kế toán trưởng Công ty cổ phần vận tải lạnh An Giang  
2003 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải lạnh An Giang

Những người có liên quan: không có.

Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

**Ban Giám đốc** (*Ban Giám đốc là thành viên của HĐQT*)

1. Ông **Ngô Phước Hậu**  
Tổng Giám đốc Công ty (xem phần trên)
2. Ông **Nguyễn Đình Huân**  
Phó Tổng Giám đốc Công ty (xem phần trên)
3. Bà **Phan Thị Lượm**  
Phó Tổng Giám đốc Công ty (xem phần trên)
4. Bà **Phan Thị Thanh Giang**  
Phó Tổng Giám đốc Công ty (xem phần trên)

**13. Tài sản****13.1. Máy móc thiết bị**

- Hầu hết các loại máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của Công ty được trang bị từ những năm 1990 trở đi, trong đó có trang bị mới trong các năm từ 2000 - 2005. Có thể chia máy móc thiết bị của Công ty làm những nhóm như sau:

Nhóm các máy móc thiết bị chính: các loại tủ cấp đông (đông tiếp xúc), hầm đông (đông gió), cấp đông băng chuyên IQF phẳng (đầu tư từ 2001-2005), máy sản xuất nước đá vảy, máy trộn cá chân không v.v..., là những máy móc thuộc công nghệ mới, giá trị còn lại hơn 60%, công suất hoạt động đạt khoảng 95%.

Nhóm các máy móc thiết bị hỗ trợ: 2 hệ thống điều hòa Chiller (F7 & F8), hệ thống máy phát điện Cummin (2000), máy hút chân không dán bao (2003), máy niềng thùng (2005), máy phân cỡ (2000-2005), v.v... Công suất sử dụng khoảng 90%, riêng hệ thống máy phát điện công suất sử dụng khoảng 5% (tùy theo mùa). Giá trị còn lại của các máy móc thiết bị này khoảng 85%.

Ngoài ra, trong năm 2004 Công ty còn trang bị cho Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm (phân xưởng F9) hệ thống cấp đông IQF Mycom (khoảng 50% công suất sử dụng), cấp đông tiếp xúc, đông gió, hệ thống đá vảy, điều hòa và các thiết bị phụ trợ: máy cắt, máy đùn xúc xích, v.v..

- Tính đến thời điểm 31/03/2006, một số tài sản chính của Công ty Agifish như sau:

**Bảng 6:** *Danh mục một số tài sản chính của Công ty đến 31/03/2006*

ĐVT: ngàn đồng

TT	Tên Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc - XNCBTP</b>	<b>17.111.107</b>	<b>15.522.797</b>
1.	Nhà xưởng PXMH mới	3.583.330	3.404.164
2.	Hệ thống cấp đông băng chuyên - PXMH mới	6.646.488	5.954.146

3.	Kho lạnh - PXMH mới	1.188.583	1.064.772
4.	Máy đá vảy - PXMH mới	1.410.886	1.263.918
5.	Tủ đông + hầm đông PXMH mới	4.281.820	3.835.797
<b>II</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc - VPCTY</b>	<b>6.084.580</b>	<b>3.272.935</b>
1.	Văn Phòng Công ty	1.263.534	385.403
2.	Kho lạnh 500 tấn	3.795.765	2.471.043
3.	Máy kiểm Malatich Green	1.025.281	871.489
<b>III</b>	<b>Xí Nghiệp Đông Lạnh 7</b>	<b>20.609.718</b>	<b>15.251.396</b>
1.	Hệ thống xử lý nước thải F7	1.533.393	1.066.267
2.	Băng chuyền IQF (YORK)	5.142.495	3.664.408
3.	Băng chuyền phẳng ( Năm Dũng)	2.605.905	2.540.757
4.	Máy lạn da cá ( 7 cái)	1.024.406	582.897
5.	Máy nén + giàn ngưng YORK	1.237.590	808.898
6.	HT máy Mycom - cối đá vảy	1.098.252	915.210
7.	Máy nén Khí (Năm Dũng)	1.008.895	983.673
8.	Máy nén Sab83 - Dàn ngưng VXC- C 426	3.188.463	2.674.766
9.	Máy phát điện CUMMUINS/ONAN 1000kva	1.387.317	420.819
10.	Tủ cấp đông YORK + dàn ngưng	2.383.002	1.593.700
<b>III</b>	<b>Xí Nghiệp Đông Lạnh 8</b>	<b>26.716.687</b>	<b>19.382.084</b>
1.	Hệ thống xử lý nước thải XN8	3.050.326	2.982.541
2.	Hệ thống xử lý nước sạch - XN8	1.095.675	1.028.717
3.	Kho trữ đông 100 tấn	1.143.310	315.462
4.	Máy nén TSMC108S +SMC104E (lắp đá vảy cũ)	1.231.859	916.195
5.	Máy nén + giàn ngưng YorK	1.914.185	1.327.966
6.	Máy nén lạnh trực vít -SAB-CĐ băng chuyền	1.401.696	477.697
7.	Máy nén Sab83 - Dàn ngưng VXC- C 358 - Máy đá vảy F600	3.145.756	2.638.940
8.	Máy phát điện CUMMUINS/ONAN 1000kva	1.394.799	740.188
9.	Tủ cấp đông băng chuyền xoắn	2.243.023	815.104
10.	Tủ cấp đông băng chuyền phẳng IQF 500 kg/h	2.723.672	2.279.184
11.	Tủ cấp đông băng chuyền phẳng (nam Dung)	2.647.150	2.580.972
12.	Tủ cấp đông York + chi phí liên hoàn	2.578.094	1.482.404
13.	HT Tủ Tiềm đông FBS-500 & Tái đông IQF AFT-500	2.147.141	1.796.713
<b>V</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc - XNN</b>	<b>955.200</b>	<b>189.382</b>
1.	Nhà bao che và bể chứa Trại Mỹ Châu	955.200	189.382
<b>VI</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.590.794</b>	<b>1.590.794</b>
1.	Đất mua để XD CSSX 46.324,8 m2 - Phường B.Đức, TPLX	1.590.794	1.590.794

## 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 3 năm tới

**Bảng 7:** Dự kiến các sản lượng sản xuất kinh doanh của Công ty từ 2006 – 2008

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
<b>1. Sản lượng xuất khẩu</b>			
- Cá Tra, Basa (tấn)	16.500	28.000	30.000
- Hàng GTGT (tấn)	800	850	900
<b>2. Sản lượng bán nội địa</b>			
- Hàng GTGT (tấn)	1.900	1.950	2.000
- Phụ phẩm (tấn)	24.000	47.000	51.000
<b>3. Kim ngạch xuất khẩu (1.000 USD)</b>	42.000	67.000	72.000

**Bảng 8:** Dự kiến các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty từ 2006 – 2008

CHỈ TIÊU	2006		2007		2008	
	triệu đồng	% tăng giảm/năm 2005	triệu đồng	% tăng giảm/năm 2006	triệu đồng	% tăng giảm/năm 2007
Doanh thu thuần	850.000	7,46	1.500.000	76,74	1.700.000	13,33
Lợi nhuận sau thuế	28.000	25,25	50.000	78,57	57.000	14,00
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	3,29%	-	3,30%	-	3,35%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	22%	-	24%	-	25%	-
Cổ tức chi bằng tiền mặt	12%	-	12%	-	12%	-

## 15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn và dài hạn

### 15.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn

Các đầu tư ngắn hạn của Agifish được kế hoạch nhằm mục đích để nâng cao trình chuyên môn, quản lý quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm cho cán bộ công nhân viên, giúp tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản xuất. Cụ thể là:

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên.

Hàng năm, Công ty Agifish có tổ chức học tập và thi tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất để xét nâng bậc tay nghề và nâng bậc lương. Các khóa học chính như học vi tính, nâng cao chuyên môn hay cử đi học các khóa ngắn hạn ở nước ngoài.

Ngoài ra, Công ty Agifish chú trọng đến việc đào tạo và tăng cường nguồn nhân lực quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 9001:2000, BRC, SQF 2000.



- Đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị.  
Để góp phần tăng năng lực sản xuất, tiết kiệm chi phí góp phần hạ giá thành sản xuất, và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, Công ty Agifish có kế hoạch đầu tư đổi mới công nghệ bao gồm:
  - Cải tiến các tủ cấp đông rút ngắn thời gian cấp đông từ 3,5 – 4 giờ/mẻ xuống còn 2 – 2,5 giờ/mẻ.
  - Cải tạo thành công máy móc thiết bị kho lạnh cũ có nhiệt độ từ  $-16^{\circ}\text{C}$ ,  $-18^{\circ}\text{C}$  xuống  $-20^{\circ}\text{C}$ ,  $-25^{\circ}\text{C}$ . Trong tương lai nâng công suất kho lạnh ở xí nghiệp 8 lên 100% từ 170 tấn lên 340 tấn.
  - Đã nâng cấp máy nước đá vảy công suất 10 –14 tấn/ngày lên gấp đôi 25-30 tấn/ngày cho xí nghiệp 7 và xí nghiệp 8, máy nước lạnh  $10\text{m}^3/\text{giờ}$  phục vụ cho sản xuất từ việc tận dụng các thiết bị tự có hoặc đã qua sử dụng.
  - Trong năm 2005 đã nâng cấp hệ thống điều hòa nhiệt độ từ điều hòa thổi trực tiếp sang hệ thống điều hòa Chiller cho một phần phân xưởng 7 & 8.
  - Tự chế tạo các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất: máy trộn cá, xe đẩy.
  - Trong năm 2005 đã đầu tư 02 băng chuyền IQF + 02 hệ thống máy nén + hệ thống bình chứa đường ống cho xí nghiệp 7 và xí nghiệp 8
  - Trong năm 2004, công ty thuê ngoài khoan thành công 01 giếng có công suất  $60\text{m}^3/\text{giờ}$  phục vụ bổ sung cho xí nghiệp 7 và xí nghiệp 9. Dự kiến trong năm 2006 khoan thêm 01 giếng cho xí nghiệp 7.
  - Hoàn thiện dây chuyền sản xuất chế biến phụ phẩm.
- Công ty sẽ tiến hành việc đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, mẫu mã hàng hóa theo đúng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Giới thiệu sản phẩm như một thương hiệu độc quyền của Công ty trên thị trường.

## 15.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn

### *Nguyên liệu:*

- Đẩy mạnh hoạt động của Liên hợp sản xuất cá sạch, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng chiến lược sản phẩm cá sạch APPU để sản phẩm chất lượng mang logo APPU có sự khác biệt so với sản phẩm cùng loại. Nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thêm lợi nhuận cho người nuôi cá. Đồng thời giải quyết lợi ích hài hoà cho các nhóm thành viên tham gia chuỗi giá trị nghề ca.
- Thực hiện chiến lược đầu tư vùng nguyên liệu thông qua Liên Hợp Sản xuất cá sạch để ổn định nguyên liệu sản xuất cho các Xí nghiệp đông lạnh.
- Ngoài ra còn có cơ chế, phương thức thu mua, đầu tư vốn và thanh toán hợp lý theo từng thời điểm để thu hút nguồn nguyên liệu chất lượng tốt.

### *Sản xuất, thị trường, thương hiệu*

- Duy trì ổn định sản xuất bình quân 120 -130 tấn nguyên liệu/ngày (khi nhà máy đông lạnh mới chưa đi vào sản xuất). Đây là cố gắng lớn trong điều kiện vừa sản xuất vừa cải tạo nâng cấp nhà xưởng. Đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu.
- Cân đối cơ cấu thị trường, trong đó chủ lực vẫn là thị trường châu Âu, Châu Úc, Châu Á. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới như: Đông Âu, Nam Phi, Trung và Nam Mỹ. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội vào thị trường Mỹ, xem đây là thị trường tiềm năng và là chiến lược lâu dài của Công ty.
- Thành lập Phòng bán hàng tại Chi nhánh Tp.HCM với các cán bộ giỏi chuyên môn nghiệp vụ marketing (kể cả nhân viên người nước ngoài) đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, dự báo thị trường, chăm sóc khách hàng...
- Xây dựng chiến lược kinh doanh sản phẩm cá Tra, cá Basa tại các thị trường quảng bá thương hiệu gắn với tiêu chuẩn chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xem đây là mục tiêu lớn, lâu dài cần tổ chức thực hiện có tính chuyên nghiệp hơn, quy mô hơn trước, có thực chất và hiệu quả. Riêng tại thị trường Mỹ, chương trình quảng bá thương hiệu AGIFISH sắp tới, dự kiến sẽ hợp tác với NFI (National Fisheries Institute) tiếp thị và bán các sản phẩm vào hệ thống phân phối lớn của Hoa Kỳ với những đơn hàng lớn từ những khách hàng là các hệ thống phân phối lớn trên khắp nước Mỹ như Mazzetta, US Food Service hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chắc chắn sẽ ổn định và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

### *Quản lý chất lượng*

- Tích cực kiểm soát các hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro, sai lỗi trong quy trình sản xuất.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng từ ao nuôi đến chế biến sản phẩm xuất khẩu.

### **Tài chính, giá thành, hiệu quả**

- Tài chính lành mạnh, công khai, minh bạch rõ ràng tạo niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Xây dựng kế hoạch cụ thể nguồn vốn kinh doanh cho năm 2006, trong đó xác định thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn có hiệu quả trong điều kiện hiện nay. Hoạt động kinh doanh của Công ty tốt, tình hình tài chính lành mạnh, cố gắng ổn định nên việc phát hành cổ phiếu để huy động vốn cho đầu tư sản xuất mở rộng có thể được các nhà đầu tư quan tâm.
- Xem xét đánh giá toàn bộ quy trình sản xuất là việc làm thường xuyên để kịp thời đề ra các giải pháp quản lý tăng năng suất, giảm định mức, thực hành tiết kiệm, tăng hiệu quả kinh doanh và xem đây là biện pháp cơ bản nâng cao năng lực cạnh tranh.

### **Đầu tư xây dựng cơ bản**

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà xưởng hiện có, hợp lý hoá quy trình sản xuất đưa năng lực chế biến lên 150 – 170 tấn nguyên liệu/ngày.
- Để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của thị trường với những đơn hàng lớn từ các hệ thống phân phối, đồng thời tốc độ tăng trưởng của Công ty trong những năm tới. Trong kế hoạch dài hạn của Công ty Agifish có 02 dự án đã được đề xuất nhằm nâng cao sản lượng. Đó là các dự án:
  - Dự án đầu tư xây dựng nhà máy đông lạnh số 1 (AGI-SEAFOOD) hoàn toàn mới với trang thiết bị hiện đại, công suất 150 tấn nguyên liệu/ngày.
  - Dự án đầu tư kho lạnh 3.000 tấn lưu trữ hàng thủy sản đông lạnh.

#### **❖ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy đông lạnh số 1 (AGI-SEAFOOD)**

Thực tế trong thời gian cho thấy công ty liên tục không đáp ứng được hết các đơn đặt hàng của khách hàng do công suất chế biến đông lạnh có hạn. Dự án đầu tư xây dựng thêm một xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh là cần thiết. Xí nghiệp này sẽ cho phép công ty tăng năng lực chế biến của mình lên hơn 100% năng lực hiện thời.

Địa điểm đầu tư: trước mặt trụ sở chính của công ty.

Tổng diện tích mặt bằng: 16.000m<sup>2</sup>

Thời gian khởi công: đầu tháng 05/2006.

Thời gian hoàn thành: cuối năm 2006

**Bảng 9:** *Vốn và nguồn vốn của dự án đầu tư nhà máy đông lạnh số 1*  
ĐVT: triệu đồng

Tổng vốn đầu tư và nguồn tài trợ		Giá trị
<b>A</b>	<b>Tổng vốn đầu tư, bao gồm:</b>	<b>150.000</b>
<b>I</b>	<b>Vốn cố định</b>	<b>86.237</b>
1	Xây dựng nhà xưởng	19.600
2	Máy móc thiết bị	54.000
3	Chi phí kiến thiết cơ bản khác	1.601
4	Lãi vay trong thời gian xây dựng	3.516
5	Dự phòng	7.520
<b>II</b>	<b>Vốn lưu động</b>	<b>63.763</b>
<b>B</b>	<b>Nguồn tài trợ</b>	<b>150.000</b>
1	Vốn tự có của Công ty	84.000
2	Vay dài hạn	6.000
3	Vay ngắn hạn	60.000

❖ *Dự án đầu tư kho lạnh 3.000 tấn.*

Trong năm 2006, công ty sẽ xây dựng nhà máy F1 (vừa nêu trên) nên nhu cầu lưu trữ, bảo quản thành phẩm trở nên hết sức bức bách, việc xây dựng kho lạnh 3.000 tấn sẽ giải quyết được các yêu cầu sau:

- Không bị động khi sản lượng nguyên liệu sản xuất toàn công ty tăng lên 350 tấn/ngày.
- Giảm chi phí vận chuyển và lưu kho bên ngoài.
- Khai thác dịch vụ cho thuê kho lưu trữ hàng thủy sản đông lạnh.

Địa điểm đầu tư: trước mặt trụ sở chính của công ty.

Tổng diện tích mặt bằng: 4.000m<sup>2</sup>

Thời gian khởi công: năm 2006.

Thời gian hoàn thành: cuối năm 2006

**Bảng 10:** *Vốn và nguồn vốn của dự án đầu tư kho lạnh 3.000 tấn*

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư
<b>1. Tổng đầu tư của dự án</b>	<b>19.000</b>
Trong đó:	
<b>a. Vốn cố định:</b>	<b>17.875</b>
- Xây lắp	2.500
- Thiết bị	12.800
- Các chi phí khác	288
- Dự phòng	1.559
- Lãi vay trong thời gian xây dựng	728
<b>b. Vốn lưu động</b>	<b>1.125</b>
<b>2. Nguồn vốn cho dự án</b>	
- Vốn tự có của Công ty	11.000
- Vốn vay	8.000

## 16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Từ năm 2006, Công ty Agifish xây dựng kế hoạch doanh thu có tỷ lệ tăng trưởng trung bình và lợi nhuận tăng trưởng ở mức thấp hơn các năm trước, điều này phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2007 -2008, Công ty Agifish thực hiện đầu tư dự án mở rộng năng lực sản xuất của Công ty lên khoảng 100% năng lực hiện thời thì doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng tương ứng. Tuy nhiên sự biến động của nguồn nguyên liệu đầu vào và thị trường tiêu thụ thế giới có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, kế hoạch kinh doanh của Công ty sẽ tốt hơn kế hoạch nếu như 2 dự án đầu tư đi vào hoạt động sớm hơn dự kiến.

Về cổ tức, Công ty duy trì tỷ lệ cổ tức 12%/mệnh giá cho 3 năm tiếp theo. Đây là mức cổ tức trung bình trong các Công ty niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Với mức cổ tức này Công ty phải dùng 33,80% lợi nhuận sau thuế, phần lợi nhuận còn lại Công ty sẽ dùng bổ sung các quỹ và bổ sung nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm thích hợp. Đây cũng là chính sách phù hợp với tình hình phát triển của Công ty cũng như tăng lợi ích của cổ đông.

## 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

## 18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành

Không có

## IV. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

### 1. Loại chứng khoán

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: AGF

### 2. Mệnh giá

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng).

### 3. Tổng số chứng khoán phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung:

- Tổng số cổ phiếu phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung: 3.500.000 cổ phần (Ba triệu, năm trăm ngàn cổ phiếu), trong đó:
  - ❖ Giai đoạn 1: (Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn): Khối lượng phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu (Hai triệu cổ phiếu)
  - ❖ Giai đoạn 2: Phát hành cho cổ đông theo danh sách được chốt sau khi hoàn tất giai đoạn 1: Khối lượng phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung: 1.278.000 cổ phiếu (Một triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn cổ phiếu)
  - ❖ Giai đoạn 3: Phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty: Khối lượng phát hành và niêm yết bổ sung: 222.000 cổ phiếu (Hai trăm hai mươi hai ngàn cổ phiếu)

### 4. Giá phát hành dự kiến

- Giai đoạn 1: 70.000 đồng/cổ phiếu
- Giai đoạn 2: Phát hành cho cổ đông hiện tại theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 1 cổ phiếu) với giá bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giai đoạn 3: Phát hành ưu đãi cho cán bộ chủ chốt của Công ty theo giá bằng giá trị sổ sách được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2005 (24.000 đồng/cổ phiếu)

### 5. Giá bảo lãnh phát hành giai đoạn 1: 56.000 đồng/cổ phiếu

### 6. Phương pháp tính giá: chiết khấu dòng tiền

- Phương pháp tính giá được thực hiện là phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF). Giá trị của doanh nghiệp được tính bằng cách chiết khấu dòng tiền tự do được dự báo trong tương lai về hiện tại. Giá trị doanh nghiệp sau khi trừ đi các khoản nợ sẽ là giá trị vốn cổ phần và lấy giá trị vốn cổ phần chia cho tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ thu được giá trị vốn cổ phần chia cho tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ thu được giá trị mỗi cổ phiếu.
- Số lượng dùng để dự tính dòng tiền tự do trong tương lai được dựa trên kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty trong 3 năm tới. Từ năm thứ tư trở đi giả định rằng Công ty hoạt động ổn định và dòng tiền thuần là không đổi.
- Hệ số chiết khấu được sử dụng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai là Tỷ lệ chiết khấu hay Tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của nhà đầu tư khi mua cổ phần và được xác định theo công thức:  $K = R_f + R_p = 15,25\%$   
Trong đó:

$R_f = 9,25\%$ : là Tỷ suất lợi nhuận thu được từ khác khoản đầu tư không rủi ro được tính bằng lãi suất trả trước của Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 15 năm tại thời điểm gần nhất.

$R_p = 6\%$ : là Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư mua cổ phần của các công ty ở Việt Nam.

## 7. Phương thức phân phối

- Giai đoạn 1: Chào bán riêng lẻ và bảo lãnh phát hành
- Giai đoạn 2: Phân phối theo hình thức đại lý phát hành
- Giai đoạn 3: Phân phối theo danh sách do Hội đồng quản trị Công ty Agifish phê duyệt
- Đơn vị tư vấn, bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành:
  - ✓ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Chi nhánh tại Hà Nội: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

## 8. Thời gian phân phối cổ phiếu (dự kiến)

- **Giai đoạn 1: từ ngày 21/06/2005 đến ngày 11/07/2006**
- Giai đoạn 2 và giai đoạn 3: 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giai đoạn 1

## 9. Kế hoạch chào bán cổ phần

### ❖ **Giai đoạn 1: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư lớn**

- ✓ Tiêu chí xác định nhà đầu tư lớn:
  - Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm năng về tài chính, ưu tiên cho các nhà đầu tư có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (người sản xuất và thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho doanh nghiệp, người cam kết tiêu thụ lâu dài sản phẩm của doanh nghiệp, người gắn bó lợi ích chiến lược lâu dài trong kinh doanh) hoặc hoạt động trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán (các tổ chức đầu tư tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ v.v...).
  - Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua cổ phiếu của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật (đối với tổ chức nước ngoài)
- ✓ Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần: Tổ chức phát hành (Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang) phối hợp với tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành (Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn) thực hiện chào bán cho 10 – 20 nhà đầu tư lớn của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang.

Sau khi nhận thông báo chấp thuận đăng ký phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn sẽ thông báo cho các nhà đầu tư lớn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần theo dự kiến của hai bên. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 7 – 15 ngày làm việc.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang sẽ xác nhận việc phân phối cổ phần, ký kết hợp đồng phân phối, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho nhà đầu tư. Thời gian thực hiện dự kiến là 30 ngày làm việc sau khi kết thúc việc chào bán cổ phần.

- ✓ Thực hiện cam kết bảo lãnh: Sau khi hoàn tất việc bán cổ phần cho các nhà đầu tư lớn theo hình thức chào bán trực tiếp, tổ chức bảo lãnh phát hành sẽ mua lại toàn bộ số cổ phần còn lại theo cam kết bảo lãnh phát hành. Thời gian thực hiện dự kiến là 10 ngày làm việc.

Trong thời gian 5 ngày làm việc sau khi đợt phát hành kết thúc, Công ty Agifish và SSI sẽ lập báo cáo phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận Giấy phép chấp thuận niêm yết, sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành của giai đoạn 1.

**Bảng 11:** Lịch trình phân phối cổ phiếu của giai đoạn 1

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép phát hành thêm cổ phiếu	D	AGF, SSI
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 5	AGF, SSI
3	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 15	AGF, SSI
4	Thực hiện cam kết bảo lãnh (nếu có)	D + 15	SSI
5	Gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM	D + 20	AGF
6	Làm thủ tục và tiến hành niêm yết bổ sung cổ phiếu	D + 30	AGF, SSI

(Ghi chú: ngày D được tính theo ngày làm việc)

- ❖ **Giai đoạn 2: Phát hành cho cổ đông theo danh sách được chốt sau khi hoàn tất giai đoạn 1 theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ được quyền mua 1 cổ phiếu) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu**

- ✓ Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TTGDCK Tp.HCM cung cấp.
- ✓ Số cổ phiếu không được cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua không đặt mua hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các cán bộ chủ chốt theo giá trị sổ sách được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2005 hoặc các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán của các cổ đông hiện tại.
- ✓ Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phần: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá



thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

**Giai đoạn 3: Phát hành cho cán bộ chủ chốt theo danh sách do Hội đồng quản trị Công ty Agifish phê duyệt.**

- ✓ Trong thời gian thực hiện giai đoạn 2, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang sẽ lập danh sách cán bộ chủ chốt của Công ty được mua cổ phần, cổ phần không được chuyển nhượng trong thời gian 3 năm.
- ✓ Số cổ phiếu không được bán hết sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cán bộ chủ chốt.

**Các bước thực hiện phát hành của giai đoạn 2 và giai đoạn 3 như sau:**

*Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu và Danh sách cán bộ chủ chốt được quyền mua thêm cổ phiếu*

- ✓ Công ty Agifish sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với TTGDCK Tp.HCM để xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.
- ✓ Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty Agifish lập Danh sách cán bộ chủ chốt được quyền mua cổ phiếu.

*Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu*

- ✓ Công ty Agifish phối hợp TTGDCK Tp.HCM phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty Agifish có trách nhiệm thông báo và phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- ✓ Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó.
- ✓ Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày TTGDCK Tp.HCM phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- ✓ Cán bộ chủ chốt sẽ đóng tiền mua tại Trụ sở Công ty theo danh sách đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Quyền mua cổ phần này sẽ không được chuyển nhượng. Sau khi cán bộ chủ chốt hoàn tất việc đóng tiền thì Công ty sẽ thực hiện phân bổ cổ phiếu cho các cổ đông

Trong thời hạn 15 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác,

trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền
- ✓ Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTGDCK Tp.HCM yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTGDCK Tp.HCM xác nhận việc nhận chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTGDCK Tp.HCM, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- ✓ Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

#### *Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền*

- ✓ Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- ✓ Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của TTGDCK Tp.HCM tại Ngân hàng chỉ định để TTGDCK Tp.HCM chuyển tiền cho Công ty Agifish.

#### *Bước 4: Phân phối chứng khoán*

- ✓ Vào ngày phát hành, TTGDCK Tp.HCM gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- ✓ Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.
- ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

**Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung**

- ✓ Kết thúc việc phân phối cổ phiếu: Công ty Agifish sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM. Sau khi nhận được chấp thuận niêm yết, Công ty Agifish sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với cổ phiếu phát hành của giai đoạn 2 và giai đoạn 3.

**Lưu ý:** Nếu quá 15 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty. Cán bộ chủ chốt không được chuyển nhượng quyền mua của mình dưới bất kỳ hình thức nào.

**Bảng 12: Lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu của giai đoạn 2 và giai đoạn 3**

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Thông báo chốt danh sách cổ đông cho TTGDCK Tp.HCM	D	AGF, SSI
2	Chốt danh sách cổ đông và danh sách cán bộ chủ chốt Công ty được mua cổ phiếu	D + 10	TTGDCK Tp.HCM
3	TTGDCK Tp.HCM gửi Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký (TVLK)	D + 15	TTGDCK Tp.HCM
4	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có)	D + 16 - D + 30	TTGDCK Tp.HCM - TVLK
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D + 16 – D + 30	TVLK
6	Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và chuyển tiền cho tổ chức phát hành	D + 35	TTGDCK Tp.HCM
7	Phân bổ cổ phiếu cho cổ đông và phân bổ cổ phiếu của cán bộ chủ chốt	D + 45	TVLK
8	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu của cổ đông theo phương thức thực hiện quyền không mua hết cho cán bộ chủ chốt của Công ty theo danh sách đã được Hội đồng quản trị phê duyệt (nếu có)	D + 47	AGF, TVLK
9	Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM	D + 50	AGF, SSI
10	Nhận chấp thuận niêm yết và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu	D + 60	UBCKNN, TTGDCK Tp.HCM, SSI

*(Ghi chú: Ngày D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu này sẽ được thông báo chính thức sau khi hoàn tất giai đoạn 1 của đợt phát hành)*

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang, không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

- Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Agifish theo quy định của pháp luật.

## 7. Các loại thuế có liên quan

- Theo qui định của Thông tư số 74/2000/TT – BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ Tài Chính, đối với tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN hiện hành còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, quy định cổ tức thu từ cổ phiếu thuộc diện miễn thuế hoàn toàn đối với tất cả các tổ chức và cá nhân.

Theo Thông tư 100/2004/TT-BTC cũng quy định nhà đầu tư cá nhân không phải đóng thuế trên khoản chênh lệch giá khi bán cổ phiếu.

Nhà đầu tư là tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

**Thuế thu nhập từ chênh lệch do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế \* Thuế suất**

*Trong đó:*

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

- Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:
- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng \* 0,1%
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25 % trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo theo Công văn số 1202/CT-NV ngày 4/10/2001 của Cục thuế tỉnh An Giang. Ngoài ra, theo Công văn số 11924/TC/CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính công ty còn được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong một năm tiếp theo kể từ khi hết thời hạn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu trên.
- Các ưu đãi khác: Thuế xuất khẩu thủy sản đông lạnh là 0%.

## 8. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu là tài khoản của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang mở tại Ngân hàng ANZ - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, địa chỉ 11 Công trường Mê Linh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh là 3678212.

## MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

### 1. Mục đích phát hành

Đợt phát hành cổ phiếu lần này thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2006 của Công ty ngày 29/03/2006. Mục tiêu của đợt phát hành lần này bao gồm:

- Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư
  - Dự án đầu tư Kho lạnh thủy sản 3.000 tấn
  - Dự án đầu tư Xí nghiệp thủy sản đông lạnh số 1
- Bổ sung vốn lưu động để đáp ứng yêu cầu kinh doanh

### 2. Phương án khả thi các dự án đầu tư

Thông tin về các dự án đầu tư được lấy từ thông tin từ các Báo cáo khả thi do Công ty Agifish lập. Trong đó:

- Dự án đầu tư Kho lạnh 3.000 tấn lưu trữ hàng thủy sản đông lạnh và dự án đầu tư Xí nghiệp đông lạnh số 1 – AGI-SEAFOO đã được phê duyệt theo Công văn số 1610/UBND – KT ngày 23/05/2006 của UBND Tỉnh An Giang.
- Theo Quyết định số 536/QĐ.CT.UB ngày 07/03/2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang về việc cho thuê đất và Công ty đang tiến hành các thủ tục xin thuê đất đối với diện tích đất bổ sung cho dự án.

Tóm tắt báo cáo khả thi của các dự án như sau:

#### 2.1 Dự án đầu tư Kho lạnh thủy sản 3.000 tấn

##### a. Giới thiệu về dự án

- Địa điểm, cơ sở hạ tầng: Kho lạnh được xây dựng tại phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang. Vị trí kho lạnh được thiết kế xây dựng biệt lập với khu dân cư, trước mặt phía Đông giáp quốc lộ 91 và trụ sở chính của Công ty Agifish, phía Tây giáp ruộng, phía Nam và phía Bắc giáp ruộng lúa và nhà dân.
- Quy mô đầu tư:
  - Tổng thể mặt bằng: Công trình được xây dựng trên 4.000 m<sup>2</sup>. Các hạng mục công trình được thiết kế phù hợp với dây chuyền công nghệ, giao thông nội bộ đảm bảo đầu vào, đầu ra của sản phẩm và công nhân, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng, bảo vệ môi trường. Trong đó, giá trị xây dựng 2,5 tỷ đồng và đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị 12,8 tỷ đồng.
  - Tiêu chuẩn công trình: Công trình được xây dựng phục vụ lưu trữ hàng thủy hải sản đông lạnh, nên đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh có thể quản lý theo tiêu chuẩn ngành cũng như từng bước có thể đạt tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu hàng hóa. Do vậy có thể sử dụng nhiều loại vật liệu đúng tiêu chuẩn che phủ và ốp lát bề mặt đạt công trình công nghiệp nhóm 1, cấp 3

- Điều kiện tự nhiên: điều kiện tự nhiên nằm trong tính chất chung của tỉnh An Giang, khí hậu thuộc nhiệt đới gió mùa, tương đối đồng nhất, ít thay đổi và chế độ mưa theo mùa rõ rệt
  - Nhiệt độ trung bình: 26 – 28°C
  - Lượng mưa trung bình: 1.400 – 1500 mm, tập trung vào mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm.
  - Số giờ nắng trung bình: 2.400 giờ/năm
- Công nghệ, trang thiết bị
  - Công nghệ: Công nghệ được chọn là thủ công kết hợp với mức độ cơ giới hóa vừa phải trên công suất dự tính và nhằm khai thác nguồn nhân công dồi dào.
- Công suất dự án:
  - Công suất thiết kế kho: 3.000 tấn/kho
  - Thời gian hoạt động trong năm: 12 tháng/năm
  - Công suất thực tế

Diễn giải	2007	2008	2009	2010	2011
Tỷ lệ so với công suất thiết kế	65%	75%	80%	85%	85%
Công suất thực tế (tấn)	1.950	2.250	2.400	2.550	2.550
Vòng luân chuyển nhập – xuất/tháng	2	2	2	2	2
Sản lượng lưu chuyển trong năm (tấn)	46.800	54.000	57.600	61.200	61.200

- Lịch trình thực hiện:
  - Từ tháng 05 – 06/2006: giải phóng toàn bộ mặt bằng.
  - Từ tháng 06 – 10/2006: hoàn tất phần xây dựng cơ bản.
  - Từ đầu tháng 09 – 10/2006: tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị.
  - Tháng 11 – 12/2006 đưa vào vận hành thử, sau đó chính thức đưa vào sử dụng.
- Tổ chức quản lý thực hiện dự án: Chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện dự án đầu tư thông qua đấu thầu.

#### **b. Tính khả thi của dự án**

- Trong thời gian hoạt động của Công ty Agifish với nghề nuôi cá bè, đăng quảng, hồ phát triển nhanh chủ yếu là cá Tra, cá Basa chiếm 95% tổng sản lượng Công ty. Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang năm 2005, tỉnh An Giang có sản lượng nuôi khoảng 160.000 tấn cá và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long

khoảng 500.000 tấn tập trung ở các địa bàn như Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu, Cần Thơ, Thốt Nốt v.v... Khi đó có khoảng 26 nhà máy chế biến thủy sản với năng lực kho lạnh còn hạn chế. Do đó, dịch vụ cho thuê kho lạnh là mục tiêu Công ty Agifish nhắm tới.

- Quy mô kho lạnh 3.000 tấn, trước mắt Công ty sử dụng 40% công suất, còn lại Công ty sẽ thực hiện dịch vụ cho thuê kho. Đối với dịch vụ cho thuê kho: Công ty tận dụng tình hình cảng Cần Thơ đã mở tuyến trung chuyển hàng Container, hệ thống đường và cầu trên Quốc lộ 91 đáp ứng nhu cầu vận chuyển container 40 feet, do đó nhu cầu cho thuê kho là khả thi, quy mô cho thuê khoảng 2000 – 3.000 tấn.

### c. Phân tích hiệu quả dự án

- Tổng vốn đầu tư

*DVT: triệu đồng*

Hạng mục	Giá trị
<b>Vốn cố định</b>	<b>17.876</b>
Xây dựng	2.500
Thiết bị	12.800
Kiến thiết cơ bản khác	288
Dự phòng	1.559
Lãi vay trong thời gian XD	729
<b>Vốn lưu động</b>	<b>1.125</b>
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>19.000</b>

- Nguồn vốn đầu tư

*DVT: triệu đồng*

Hạng mục	Vốn cố định	Vốn lưu động	Cộng
Vốn tự có	10.875	125	11.000
Vốn vay dài hạn	7.000		7.000
Vốn vay ngắn hạn		1.000	1.000
<b>Tổng</b>	<b>17.875</b>	<b>1.125</b>	<b>19.000</b>

- Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng của phần vốn cố định (Công ty chỉ tính thời gian hoàn vốn của dự án này cho phần vốn cố định (gồm XD, máy móc thiết bị và kiến thiết cơ bản khác...) không bao gồm vốn lưu động vì vốn lưu động có vòng quay vốn rất nhanh, đó là chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm bán và thu tiền ngay:

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (Triệu đồng)	9.759
IRR (%)	29,80
Thời gian hoàn vốn	4 năm

## 2.2 Dự án đầu tư Xí nghiệp thủy sản đông lạnh số 1

### a. Giới thiệu về dự án

- Địa điểm, cơ sở hạ tầng: Xí nghiệp chế biến thủy sản số 1 xây dựng tại khu đất trống của Công ty nằm ven Quốc lộ 91 thuộc phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Quy mô đầu tư: Xí nghiệp được xây dựng và trang bị mới hoàn toàn với công suất 200 tấn nguyên liệu /ngày, tương đương 15.000 tấn thành phẩm/năm.
  - Quy mô nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ: tổng diện tích mặt bằng xây dựng là 8.550 m<sup>2</sup>, được phân bổ như sau:

Hạng mục	Diện tích	Giá trị
Cơ sở hạ tầng	1.345 m <sup>2</sup>	11.087.300.000
Khu sản xuất		8.500.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Thành phần chính	7.212 m <sup>2</sup>	
- Thành phần phụ trợ	1.338 m <sup>2</sup>	

- Tổng thể mặt bằng: Công trình được xây dựng trên khu đất rộng 16.000 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 8.550 m<sup>2</sup>. Các hạng mục công trình được xây dựng thành một thể liên hoàn, vị trí từng hạng mục được bố trí phù hợp với dây chuyền sản xuất công nghệ, đảm bảo tính thẩm mỹ của công trình.
- Tiêu chuẩn công trình: Công trình chế biến các thủy sản đông lạnh đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh theo hệ thống quản lý chất lượng SSOP, GMP, HACCP và ISO 9001.2000. Do đó, phải sử dụng nhiều loại vật liệu xây dựng (vật liệu che phủ, ốp lát các bề mặt) tương đối cao cấp thuộc công trình công nghiệp nhóm 1, cấp 3.
- Lịch trình thực hiện:
  - Từ tháng 05 – 06/2006: giải phóng toàn bộ mặt bằng.
  - Từ tháng 06 – 10/2006 hoàn tất xây dựng phân xưởng chính, các công trình phụ trợ, v.v..
  - Từ đầu tháng 09 – 10/2006: tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị.
  - Tháng 11 – 12/2006: đưa vào vận hành thử, sau đó chính thức đưa vào sản xuất.

### b. Tính khả thi của dự án

Dự án đầu tư, xây dựng Xí nghiệp Thủy sản Đông lạnh số 1 được xây dựng xuất phát từ những căn cứ:

- Mức tăng trưởng của sản lượng xuất khẩu trong 3 năm 2003 – 2005 tăng 15%/năm, tương đương 2000 – 3000 tấn sản phẩm/năm.



- Khả năng tiếp tục mở rộng thị trường của Công ty trong thời gian tới là có thể thực hiện được
- Hiện tại, Công ty đã tận dụng tối đa công suất của các xí nghiệp đông lạnh, nhiều đơn đặt hàng của khách hàng đã bị từ chối vì không đủ năng lực sản xuất

Để duy trì tốc độ tăng trưởng và tận dụng cơ hội mở rộng thị trường, Công ty nhất thiết phải đầu tư thêm cơ sở sản xuất mới, công suất của Xí nghiệp dự kiến khoảng 15.000 tấn thành phẩm/ năm là mức năng suất phù hợp, giúp Công ty đạt mục tiêu phát triển nói trên.

### c. Quản lý đầu vào, đầu ra

- Quản lý đầu vào

Định mức nguyên liệu của Xí nghiệp được áp dụng như sau:

- Cá Basa: 1 kg thành phẩm cần 3,8 – 4,0kg cá nguyên liệu
- Cá Tra: 1 kg thành phẩm cần 3,1 – 3,2kg cá nguyên liệu

Do nguyên liệu chiếm 90% giá thành sản phẩm, nên việc đảm bảo chất lượng nguyên liệu khi mua cũng như ổn định nguồn nguyên liệu cung cấp, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp:

- Thành lập Liên hợp cá sạch (APPU), mục đích gắn kết bốn đối tượng: cơ sở cung cấp cá giống, cơ sở nuôi thịt, cơ sở cung cấp thức ăn và thuốc và nhà chế biến nhằm điều chỉnh sự mất cân đối giữa cung và cầu về sản lượng và chất lượng để đảm bảo lợi ích các bên
- Thành lập Câu lạc bộ sản xuất và xuất khẩu cá Tra và cá Basa Việt Nam

Ngoài ra, Công ty có biện pháp kiểm tra về trọng lượng con, cỡ, loại, chất lượng cảm quan bên trong thịt cá phù hợp yêu cầu kỹ thuật và khách hàng.

- Quản lý đầu ra

Thành phẩm: Sản phẩm của Xí nghiệp là sản phẩm cá Tra và cá Basa đông lạnh (tương tự như sản phẩm của Xí nghiệp đông lạnh 7 và 8)

Giá bán trung bình 1kg thành phẩm cá Basa fillet là 3,4 – 3,6 USD/kg và cá Tra fillet là 2,6 – 2,9USD/kg, mức giá này có thể thay đổi tùy thuộc vào sự biến động thị trường.

Phụ phẩm: tỷ lệ chiếm 70 – 80% khối lượng cá nguyên liệu, bao gồm đầu, xương, da, thịt vụn và mỡ sau khi đã lấy phần thịt nạc. Các phụ phẩm này đầu vào của xí nghiệp chế biến thực phẩm để chế biến thành mỡ thực phẩm và bột cá, chất lượng của mỡ thực phẩm và bột cá đạt tiêu chuẩn cần thiết do Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh kiểm nghiệm.

**d. Phân tích hiệu quả dự án**

- Tổng vốn đầu tư

ĐVT: triệu đồng

Tổng vốn đầu tư và nguồn tài trợ		Giá trị
<b>A</b>	<b>Tổng vốn đầu tư, bao gồm:</b>	<b>150.000</b>
<b>I</b>	<b>Vốn cố định</b>	<b>86.237</b>
1	Xây dựng nhà xưởng	19.600
2	Máy móc thiết bị	54.000
3	Chi phí kiến thiết cơ bản khác	1.601
4	Lãi vay trong thời gian xây dựng	3.516
5	Dự phòng	7.520
<b>II</b>	<b>Vốn lưu động</b>	<b>63.763</b>
<b>B</b>	<b>Nguồn tài trợ</b>	<b>150.000</b>
1	Vốn tự có của Công ty	84.000
2	Vay dài hạn	6.000
3	Vay ngắn hạn	60.000

- Nguồn vốn đầu tư

ĐVT: triệu đồng

Hạng mục	Vốn cố định	Vốn lưu động	Cộng
Vốn tự có	80.237	3.763	84.000
Vốn vay dài hạn	6.000		6.000
Vốn vay ngắn hạn		60.000	60.000
<b>Tổng</b>	<b>86.237</b>	<b>63.763</b>	<b>150.000</b>

- Lịch trình vay

Thời gian xin vay	7 năm
Thời gian trả vay	4 năm
Lãi suất vay ngắn hạn	0,92%/tháng
Lãi suất vay dài hạn	0,85%/tháng

- Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng của phần vốn cố định (Công ty chỉ tính thời gian hoàn vốn của dự án này cho phần vốn cố định (gồm XD CB, máy móc thiết bị và kiến thiết cơ bản khác...) không bao gồm vốn lưu động vì vốn lưu động có vòng quay vốn rất nhanh, đó là chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm bán và thu tiền ngay:

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (Triệu đồng)	76.681
IRR	34,30%
Thời gian hoàn vốn	4 năm

## V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Sau khi kết thúc đợt phát hành, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được (ước tính 130,108 tỷ đồng) theo kế hoạch như sau:

- Dự án đầu tư xây dựng dự án Kho lạnh thủy sản 3.000 tấn: nguồn vốn tài trợ cho Dự án này là 11 tỷ đồng
- Dự án đầu tư Xí nghiệp thủy sản đông lạnh số 1: nguồn vốn tài trợ cho dự án này là 84 tỷ đồng
- Bổ sung vốn lưu động để đáp ứng yêu cầu kinh doanh: 35,108 tỷ đồng

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

### 1. Tổ chức tư vấn và bảo lãnh phát hành

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)

*Trụ sở chính*

Địa chỉ: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 821 8567

Fax: (84.8) 821 3867

Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn)

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

*Chi nhánh tại Hà Nội*

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Điện thoại: (84.8) 942 6718

Fax: (84.4) 942 6719

Email: [ssi\\_hn@ssi.com.vn](mailto:ssi_hn@ssi.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán

- ❖ Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 827 2295

Fax: (84.8) 827 2300

## VII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua đã có một đà tăng trưởng đáng khích lệ. Ngành thủy sản và đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản xuất khẩu đã góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập còn tiềm ẩn nhiều khó khăn. Một rủi ro kinh tế được ghi nhận đầu tiên mà có tác động lên hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất chế biến thủy sản là lạm phát. Khi lạm phát xảy ra dẫn đến tình trạng doanh nghiệp phải liên tục tăng vốn lưu động, do đó làm giảm khả năng sinh lời có thể đem lại.

Trong quá trình hội nhập thế giới của Việt Nam, Chính phủ đã có nhiều biện pháp nhằm khuyến khích và tạo sự thông thoáng cho hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Agifish. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều quy định, thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực hải quan đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra việc thực thi và sự ổn định của hệ thống văn bản pháp lý chưa cao cũng là những yếu tố không dự đoán trước được tác động lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 2. Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

#### *Rủi ro từ nguồn nguyên liệu cho sản xuất*

Một yếu tố rủi ro quan trọng trong hoạt động sản xuất của Agifish đó là nguyên liệu đầu vào (cá bè, ao hàm). Như vậy phần lớn sự biến đổi tích cực hay tiêu cực nào của nguồn nguyên liệu đều ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty.

Hiện nay, cá Tra và cá Basa (nguyên liệu chính) được ngư dân nuôi ao, hàm theo phương pháp công nghiệp có sản lượng rất cao, chí phí thấp và luân chuyển trong năm. Trong các năm qua, số bè cá trong khu vực giảm đáng kể do nuôi không được nhiều, chi phí cao, hiệu quả thấp. Bên cạnh đó ngư dân đã biết kết hợp giữa kinh nghiệm bản thân và ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nuôi thủy sản vào quy trình sản xuất của mình, làm cho hiệu quả nuôi ao, hàm tăng lên. Tuy nhiên sự phát triển một cách nhanh chóng các ao, hàm nuôi cá, tập trung phần lớn nơi đầu nguồn sông Tiền và sông Hậu đã phần nào ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, làm tăng khả năng xuất hiện dịch bệnh ở cá. Mặt khác khi nguồn cung tăng, giá bán cá bè giảm, hiệu quả thấp đi, có thể dẫn đến hậu quả là ngư dân bị thiệt hại sẽ bỏ dần việc nuôi cá, làm biến động thị trường đầu vào của Công ty.

Điều kiện tự nhiên là một yếu tố rủi ro trong hoạt động nuôi cá bè. Khi thời tiết thay đổi cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến số lượng và chất lượng nguồn nước cá sinh sống. Chẳng hạn như vào đầu mùa lũ (tháng 5, 6) nước từ đầu nguồn đổ về cuốn theo phù sa và ký sinh trùng làm thay đổi đột ngột nguồn nước ảnh hưởng đến sinh lý cá và gây nên các hiện tượng bệnh lý. Khi mùa nước xuống (tháng 1,2), nồng độ các chất độc hại trong nước tăng cao do phèn, thuốc trừ sâu từ ruộng lúa đổ ra sông, ảnh hưởng đến đời sống và chất lượng của cá nuôi.

Hầu hết các ngư dân đều đã chủ động trong việc phòng chống rủi ro bằng cách giảm mật độ nuôi, tăng cường công tác quản lý chăm sóc ao, hầm và luôn tuân thủ nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh.

Các xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh của Công ty Agifish nằm trong vùng cung cấp nguyên liệu rất thuận lợi cho việc vận chuyển bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Tuy nhiên tỉnh An Giang lại là một tỉnh nằm trong khu vực tứ giác Long Xuyên, đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu, một vùng thường xảy ra lũ lụt hàng năm. Mỗi khi lũ về giao thông vận chuyển thường gặp khó khăn.

Với những điều kiện thiên nhiên tại Biển Hồ khá tốt, Campuchia có thể trở thành một nơi nuôi cá bẹ, ao hầm và sản xuất chế biến cá Tra và cá Basa lớn trong khu vực. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất khẩu cá Tra và cá Basa của Việt Nam

### ***Rủi ro về thị trường tiêu thụ***

Sản phẩm cá Tra và cá Basa đông lạnh của Công ty Agifish hiện đang được tiêu thụ nhiều ở thị trường Châu Âu (EU), Hồng Kông, Singapore, Mỹ và ASEAN, từng thị trường có những nhu cầu riêng như số lượng, kích cỡ, màu sắc, loại sản phẩm. Thói quen tiêu dùng của người dân địa phương là rào cản sự thâm nhập cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của sản phẩm. Để tạo được thói quen tiêu dùng sản phẩm của mình Công ty đã chấp nhận nhiều rủi ro trong hoạt động tiếp thị. Hiện nay xu hướng tiêu dùng thực phẩm thủy sản của thị trường châu Âu nhất là Đông Âu đang tăng lên.

Sản phẩm thủy sản chế biến đông lạnh chịu tác động khắt khe về vệ sinh và an toàn chất lượng. Hiện nay toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm của Agifish được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có sự thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ, thì sẽ dẫn đến sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty.

Hoạt động xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những thông lệ, tập tục quốc tế cũng như ràng buộc pháp lý của nước nhập khẩu. Xuất khẩu cá Tra và cá Basa của Việt Nam mới chỉ ở bước đầu thâm nhập. Còn nhiều yếu tố khách quan từ luật pháp các nước sở tại, chẳng hạn như chính sách bảo hộ người nuôi cá, các quy định về mẫu mã bao bì, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và đặc biệt là thương hiệu sản phẩm, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Sản phẩm cá Tra, cá Basa fillet đông lạnh của Agifish đang cạnh tranh với cá Catfish của Mỹ và đã gặp phải những biện pháp bảo hộ thị trường nội địa của Hiệp hội các nhà nuôi cá Catfish Mỹ (CFA). Hiệp hội này đã đệ đơn lên Bộ Thương Mại Hoa Kỳ năm 2002 kiện các doanh nghiệp Việt Nam vì cho rằng cá Tra và cá Basa đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam đã gây rối loạn thị trường qua việc giảm giá bán. Họ còn cho rằng giá cá Việt Nam thấp là do các Công ty Việt Nam sử dụng nhân công rẻ, Nhà nước hỗ trợ ngư dân nuôi cá và không tuân thủ tốt các quy định về môi trường. Mặc dù, Bộ Thủy sản, hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã kết hợp với các Công ty xuất khẩu cá Basa, cá Tra fillet đông lạnh để cung cấp những bằng chứng chứng minh, cũng như tạo điều kiện

cho các đoàn thanh tra của Thượng viện Hoa Kỳ tới Việt Nam xem xét tình hình nuôi cá bè và các hoạt động chế biến đông lạnh. Tuy nhiên, phán quyết sau cùng của DOC vẫn cho rằng các doanh nghiệp Việt Nam bán phá giá (giá bán thấp hơn giá thành) và đã áp cho từng doanh nghiệp xuất khẩu cá fillet Việt Nam các mức thuế riêng biệt, cụ thể AGIFISH phải chịu mức thuế là 47,05%. Cùng với việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ, Tổng thống Mỹ còn ký ban hành dự luật HR 2330 trong đó có điều khoản 775 quy định Cơ quan dược phẩm và thực phẩm Mỹ (FDA) không được dùng tiền ngân sách để kiểm định các loại cá da trơn có sử dụng chữ Catfish nhập khẩu vào thị trường Mỹ. Việc thông qua đạo luật này là kết quả của cuộc vận động của CFA nhằm gây khó khăn cho việc nhập cá từ Việt Nam vào Mỹ. Như vậy sản phẩm cá Tra, cá Basa của Việt Nam nói chung và Agifish nói riêng khi nhập khẩu vào thị trường này sẽ phải mang tên mới (không có chữ Catfish). Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của Công ty cũng như làm phát sinh thêm chi phí bán hàng, quảng cáo v.v... Đây cũng chính là những rủi ro và khó khăn trong việc trao đổi buôn bán với Mỹ – một thị trường tự do mậu dịch nhưng trong đó luôn tồn tại nhiều hạn chế.

### ***Rủi ro trong hoạt động xuất khẩu***

Cũng như các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm, Công ty Agifish luôn có những phòng ngừa rủi ro đối với sản phẩm của mình trong quá trình vận chuyển hàng hóa tới người tiêu dùng. Những rủi ro có thể xảy ra như vận chuyển chậm làm hư hỏng sản phẩm, quy cách chưa đáp ứng yêu cầu, loại sản phẩm chưa phù hợp, sản phẩm có thể bị trả lại hoặc phải bán giảm giá. Điều đó có thể tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3. Rủi ro về tỷ giá**

Là một doanh nghiệp lấy xuất khẩu làm chủ đạo, doanh thu của Agifish hầu hết là bằng ngoại tệ (chiếm gần 80%). Do đó chính sách quản lý tỷ giá hối đoái của nhà nước cũng sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chẳng hạn, khi tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng USD tăng dẫn đến doanh thu tính theo đồng Việt Nam tăng và ngược lại. Hiện nay, tỷ giá khá bình ổn nên chưa có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty.

### **4. Các rủi ro khác**

Đối với dự án đầu tư Kho lạnh thủy sản 3.000 tấn và dự án đầu tư Xí nghiệp thủy sản đông lạnh số 1 của Công ty, việc xác định hiện giá thu nhập ròng (NPV), nội suất thu hồi vốn (IRR) và thời gian hoàn vốn dựa trên vốn cố định (gồm XDCB, máy móc thiết bị và kiến thiết cơ bản khác), không bao gồm vốn lưu động vì vốn lưu động có vòng quay vốn rất nhanh, đó là chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm bán và thu tiền ngay. Vì vậy nếu Công ty tính toán các chỉ tiêu trên dựa trên tổng vốn đầu tư (vốn cố định và vốn lưu động) của dự án thì hiện giá thu nhập ròng sẽ thấp hơn, nội suất thu hồi vốn thấp hơn và thời gian hoàn vốn sẽ dài hơn cách tính hiện tại.

Các rủi ro khác đề cập đến những rủi ro bất thường, không lường tính trước được và rất ít khả năng xảy ra, tuy nhiên nếu có xảy ra thì ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của

Công ty. Đó có thể là những biến động thiên nhiên như động đất, trận đại hồng thủy, chiến tranh, khủng bố, hay một đợt dịch bệnh hiểm nghèo v.v...

Sự kiện “ngày 11 tháng 9” vừa rồi ở Mỹ là một rủi ro bất thường, tạo tâm lý bất an cho người tiêu dùng Mỹ. Bên cạnh đó, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu bằng đường thủy và đường hàng không đi Mỹ và Châu Âu bị ách tắc, một số lô hàng đang chuẩn bị bàn giao phải nằm chờ ở các kho trung chuyển. Nhiều hợp đồng đã ký phải gấp rút thực hiện trước khi khách hàng yêu cầu giảm giá hoặc từ chối không thực hiện hợp đồng.

## **VIII. PHỤ LỤC**

- 1. Phụ lục I:** Báo cáo tài chính quý 1/2006;
- 2. Phụ lục II:** Danh sách cán bộ chủ chốt được quyền mua cổ phiếu ở giai đoạn 3 do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;



An Giang, ngày ..... tháng ..... năm 2006

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
CÔNG TYCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG  
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÔ PHƯỚC HẬU**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN VĂN TRIỀU**

**VÕ THÀNH THÔNG**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

**NGUYỄN HỒNG NAM**